BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65 /2026/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra và quy định chi tiết hoạt động giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 316/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Năng lượng nguyên tử về nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu;

Căn cứ Nghị định số 332/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra và quy định chi tiết hoạt động giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra và quy định chi tiết hoạt động giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân, bao gồm:

1. Hướng dẫn thực hiện nội dung thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với cơ sở tiến hành công việc bức xạ; thanh tra, kiểm tra đối với nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; tần suất thanh tra, kiểm tra đối với các loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ,

cơ sở hạt nhân quy định tại khoản 1 Điều 86, khoản 1 Điều 87, khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 89, khoản 1 Điều 90 và khoản 2 Điều 91 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân; mẫu văn bản trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân.

2. Quy định chi tiết hoạt động giám sát đối với nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu quy định tại khoản 8 Điều 7 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Năng lượng nguyên tử về nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, người tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân, người thực hiện giám sát, đối tượng thanh tra, kiểm tra, giám sát và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Giám sát an toàn bức xạ và hạt nhân* (sau đây được gọi tắt là giám sát) là hoạt động do cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia thực hiện thông qua việc theo dõi, quan sát và ghi nhận tình trạng của nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu nhằm đánh giá việc tuân thủ các quy định về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân.

2. *Người thực hiện giám sát* là người được cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia giao thực hiện nhiệm vụ giám sát.

3. *Điểm dừng kỹ thuật* là mốc kiểm soát bắt buộc mà tại đó hoạt động tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi có kết quả kiểm tra, đánh giá hoặc xác nhận đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về an toàn bức xạ và hạt nhân theo quy định.

4. *Điểm chứng kiến* là mốc kiểm soát được xác định trước mà tại đó chủ đầu tư, tổ chức vận hành phải thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc người thực hiện giám sát để quan sát, chứng kiến, theo dõi việc thực hiện công việc, việc thực hiện công việc tiếp theo không phụ thuộc vào sự có mặt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc người thực hiện giám sát.

Điều 4. Quy định về bảo mật thông tin trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân

1. Việc bảo mật thông tin trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về thanh tra, pháp luật về năng lượng nguyên tử và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoạt động giám sát trực tuyến phải tuân thủ các yêu cầu sau:

a) Không ghi chép, sao chép, lưu trữ, truyền tải thông tin về thông số vận hành, kết quả giám sát, cấu hình hệ thống kỹ thuật an toàn và các thông tin liên quan tới bí mật nhà nước, bí mật công nghệ ra ngoài hệ thống thông tin nội bộ của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia khi chưa được cho phép theo quy định;

b) Hệ thống kết nối dữ liệu phục vụ giám sát trực tuyến phải được mã hóa, xác thực và đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, an ninh máy tính;

c) Hệ thống kết nối dữ liệu phục vụ giám sát trực tuyến phải áp dụng giải pháp truyền dữ liệu một chiều hoặc giải pháp kỹ thuật tương đương, bảo đảm không tạo đường điều khiển ngược vào hệ thống đo lường, điều khiển và bảo vệ của cơ sở hạt nhân; không cho phép gửi lệnh điều khiển, thay đổi tham số hoặc cấu hình của các hệ thống này từ hệ thống giám sát.

Điều 5. Quy định về tần suất thanh tra, kiểm tra, biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân

1. Tần suất thanh tra, kiểm tra.

Tần suất thanh tra, kiểm tra được xác định trên cơ sở mức độ nguy hiểm, rủi ro bức xạ của loại hình công việc bức xạ và tình hình chấp hành pháp luật về năng lượng nguyên tử của cơ sở. Tần suất thanh tra, kiểm tra đối với các loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP như sau:

a) Ít nhất 01 lần trong 03 năm đối với tổ chức, cá nhân: sử dụng, lưu giữ nguồn phóng xạ có mức độ nguy hiểm trung bình; thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản có tính phóng xạ;

b) Ít nhất 01 lần trong 04 năm đối với tổ chức, cá nhân: sử dụng, lưu giữ nguồn phóng xạ có mức độ nguy hiểm dưới trung bình; nhập khẩu, xuất khẩu chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân và thiết bị hạt nhân;

c) Ít nhất 01 lần trong 05 năm đối với tổ chức, cá nhân: sử dụng thiết bị phát tia X trong công nghiệp, thiết bị X-quang chẩn đoán y tế và các công việc bức xạ khác.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục I biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân.

Chương II
NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA

Mục 1
NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

Điều 6. Nội dung thanh tra, kiểm tra về thông báo, khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, việc tuân thủ điều kiện của giấy phép

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc thông báo kế hoạch tiến hành công việc bức xạ:

a) Thời điểm gửi thông báo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo;

b) Thông tin về công việc bức xạ dự kiến triển khai;

c) Thông tin về nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị chiếu xạ dự kiến triển khai.

2. Việc khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị chiếu xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân:

a) Thông tin về mã hiệu, số hiệu, các thông số kỹ thuật đặc trưng của từng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị chiếu xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân theo quy định;

b) Tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị chiếu xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân;

c) Thời điểm khai báo, thời điểm tiếp nhận, chuyển giao nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, thiết bị chiếu xạ, thiết bị bức xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân.

3. Việc lập hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ:

a) Thông tin khai báo về công việc bức xạ, nguồn phóng xạ, thiết bị chiếu xạ, thiết bị bức xạ;

b) Thời điểm lập, gửi hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;

d) Tính liên tục về thời hạn của giấy phép.

4. Việc thực hiện điều kiện của giấy phép.

5. Kiểm tra thực tế:

a) Thông tin khu vực lắp đặt, sử dụng vật liệu phóng xạ, thiết bị bức xạ;

b) Thông tin về mã hiệu, số hiệu của nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị ghi đo bức xạ; tình trạng thiết bị bức xạ, vật liệu phóng xạ, trang thiết bị, cơ sở vật chất được trang bị để tiến hành công việc bức xạ;

c) Việc niêm yết nội quy an toàn bức xạ, biển cảnh báo phóng xạ, đèn cảnh báo phóng xạ và các quy trình làm việc, chỉ dẫn an toàn;

d) Việc thực hiện đeo liều kế, trang bị phương tiện bảo hộ của nhân viên bức xạ, việc phân vùng giám sát, kiểm soát.

Điều 7. Nội dung thanh tra, kiểm tra về đào tạo an toàn bức xạ, đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, kiểm soát chiếu xạ, khám sức khỏe và trang bị thiết bị bảo hộ cho nhân viên bức xạ

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc tổ chức đào tạo kiến thức về an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ:

a) Việc tổ chức đào tạo lần đầu;

b) Việc tổ chức đào tạo nhắc lại theo quy định;

c) Việc tổ chức đào tạo an toàn bức xạ bổ sung cho người phụ trách an toàn bức xạ, người phụ trách ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;

d) Việc tổ chức huấn luyện cho nhân viên bức xạ về nội quy an toàn bức xạ, quy định của cơ sở liên quan đến bảo đảm an toàn bức xạ, quy trình ứng phó sự cố bức xạ hoặc phổ biến các quy định, thông tin mới về bảo đảm an toàn bức xạ;

đ) Tính pháp lý của tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ theo quy định.

2. Xem xét, đánh giá thời điểm cấp và thời hạn chứng chỉ của nhân sự đảm nhiệm một trong các vị trí sau đây:

a) Người phụ trách an toàn bức xạ;

b) Kỹ sư trưởng/Giám đốc lò phản ứng hạt nhân;

c) Trưởng ca, trưởng kíp vận hành lò phản ứng hạt nhân;

d) Người phụ trách tẩy xạ;

đ) Người phụ trách ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;

e) Người quản lý nhiên liệu hạt nhân;

g) Nhân viên vận hành lò phản ứng hạt nhân;

h) Nhân viên vận hành máy gia tốc;

i) Nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ;

k) Nhân viên sản xuất, chế biến chất phóng xạ;

l) Nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp;

m) Vị trí khác theo quy định.

3. Việc kiểm soát liều chiếu xạ, thời giờ làm việc cho nhân viên bức xạ:

a) Việc trang bị liều kế cá nhân cho nhân viên bức xạ theo quy định;

b) Việc trang bị liều kế cá nhân cho người học nghề, sinh viên thực tập làm việc từ 03 tháng trở lên;

c) Biện pháp bảo đảm liều bức xạ của người chăm sóc, hỗ trợ và thăm người bệnh trong chẩn đoán, xét nghiệm hoặc điều trị bằng bức xạ ion hóa, thuốc phóng xạ không vượt quá mức liều kiềm chế theo quy định;

d) Việc ghi đo, đánh giá liều chiếu đối với người bệnh được chẩn đoán, can thiệp và điều trị bằng kỹ thuật sử dụng liều chiếu xạ cao;

đ) Việc theo dõi, lập sổ theo dõi liều chiếu xạ nghề nghiệp cho các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

e) Tính pháp lý của tổ chức thực hiện dịch vụ đo liều chiếu xạ theo quy định;

g) Việc tuân thủ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định.

4. Việc tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ:

a) Việc tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ khi mới tuyển dụng, định kỳ hằng năm, khám phát hiện bệnh phóng xạ nghề nghiệp và khi chấm dứt làm công việc liên quan tới bức xạ;

b) Việc tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ trong trường hợp xảy ra sự cố bức xạ, hạt nhân;

c) Sổ quản lý sức khỏe, nội dung khám sức khỏe, tính pháp lý của cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ.

5. Việc trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân:

a) Quần, áo bảo hộ, tạp dề cao su chì, găng tay, giày, ủng hoặc bao chân, mũ trùm đầu, khẩu trang chống nhiễm bẩn phóng xạ cho nhân viên làm công việc bức xạ có khả năng gây nhiễm bẩn phóng xạ hoặc nhân viên bức xạ trong y tế tiếp xúc với nguồn phóng xạ hở, thuốc phóng xạ, vật thể bị nhiễm bẩn phóng xạ, chất thải phóng xạ theo quy định;

b) Kẹp gắp nguồn, găng tay cho nhân viên sử dụng nguồn phóng xạ trong thăm dò địa vật lý giếng khoan;

c) Tạp dề cao su chì, tấm cao su che tuyến giáp cho nhân viên vận hành thiết bị chụp X-quang di động;

d) Tạp dề cao su chì, tấm cao su chì che tuyến giáp, kính chì, găng tay cao su chì cho nhân viên vận hành thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình, bác sĩ, nhân viên làm việc trong phòng chụp can thiệp và chụp mạch sử dụng thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình;

đ) Bình phong chì che chắn cho nhân viên bức xạ khi tiếp xúc với người bệnh lưu trú đã sử dụng thuốc phóng xạ hoặc đã cấy nguồn phóng xạ;

e) Việc bố trí khu vực bảo quản phương tiện bảo hộ cá nhân.

6. Việc bố trí đối với khu vực kiểm soát có khả năng gây nhiễm bẩn phóng xạ:

a) Việc bố trí thiết bị kiểm soát liều phù hợp tại lối vào khu vực;

b) Việc bố trí nhà tắm, nơi rửa tay, nơi lưu giữ vật dụng nhiễm bẩn phóng xạ và thiết bị để kiểm tra nhiễm bẩn cơ thể, quần áo, vật dụng mang ra ngoài tại lối ra khu vực.

Điều 8. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện quy định về bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân; kiểm định thiết bị bức xạ, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc thực hiện quy định về bảo đảm an toàn bức xạ theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 7; khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ, an ninh hạt nhân:

a) Việc xây dựng và thực hiện biện pháp bảo vệ thực thể đối với vật liệu hạt nhân trong sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, tương ứng với nhóm vật liệu hạt nhân theo quy định;

b) Kế hoạch và hệ thống bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân;

c) Việc thực hiện bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, cơ sở hạt nhân;

d) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đánh giá độ tin cậy của nhân viên làm việc tại các vị trí có liên quan đến an ninh hạt nhân, bao gồm việc xác minh lý lịch, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và mức độ tiếp cận vật liệu hạt nhân;

đ) Việc xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh trong sử dụng, lưu giữ, vận chuyển tương ứng với mức độ nguy hiểm của nguồn phóng xạ;

e) Kế hoạch, quy định, hệ thống bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ;

g) Việc kiểm đếm nguồn phóng xạ, tần suất thực hiện tương ứng với mức an ninh nguồn theo quy định, người tiến hành, biên bản/sổ ghi chép kết quả kiểm đếm nguồn phóng xạ;

h) Việc phối hợp với cơ quan công an và cơ quan quản lý nhà nước trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi chiếm đoạt, sử dụng trái phép nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân;

i) Việc báo cáo khi xảy ra mất, thất lạc hoặc nghi ngờ bị chiếm đoạt đối với nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân theo quy định.

3. Việc kiểm định thiết bị bức xạ:

a) Loại thiết bị bức xạ được kiểm định;

b) Thời điểm, tần suất kiểm định: trước khi đưa thiết bị vào sử dụng; định kỳ theo quy định; sau khi lắp đặt lại, sửa chữa thiết bị bức xạ có ảnh hưởng đến tính năng an toàn và độ chính xác của thiết bị;

c) Tính pháp lý của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kiểm định theo quy định.

4. Việc hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ:

a) Loại thiết bị được hiệu chuẩn;

b) Thời điểm, tần suất hiệu chuẩn: trước khi đưa thiết bị vào sử dụng, trừ trường hợp thiết bị có giấy chứng nhận hiệu chuẩn của nhà sản xuất còn hiệu lực; định kỳ theo quy định; sau khi sửa chữa có ảnh hưởng đến đặc trưng kỹ thuật, tính chính xác của thiết bị;

c) Loại tia bức xạ mà thiết bị được hiệu chuẩn, giấy chứng nhận hiệu chuẩn;

d) Tính pháp lý của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn theo quy định.

Điều 9. Nội dung thanh tra, kiểm tra về kiểm xạ khu vực làm việc; thiết lập khu vực kiểm soát, khu vực giám sát

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc thực hiện quy định về kiểm xạ khu vực làm việc:

a) Các khu vực cần phải tiến hành kiểm xạ theo quy định, kết quả kiểm xạ tương ứng tại các khu vực này;

b) Thời điểm, tần suất kiểm xạ;

c) Thông tin về thiết bị được sử dụng để kiểm xạ thực hiện như quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 4 Điều 8 Thông tư này;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm xạ;

đ) Hồ sơ về việc đo, đánh giá mức nhiễm bẩn phóng xạ tại khu vực có khả năng nhiễm bẩn phóng xạ theo quy định;

e) Hồ sơ về việc đo, đánh giá suất liều bức xạ tại khu vực tiến hành công việc bức xạ trong trường hợp yêu cầu phải trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ để giám sát an toàn theo quy định;

g) Việc xây dựng và thực hiện mức liều điều tra.

2. Việc thiết lập khu vực kiểm soát, khu vực giám sát, ngoài xem xét, đánh giá nội dung quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Thông tư này còn bao gồm:

a) Việc khoanh vùng, kẻ vạch sơn hoặc căng dây, sử dụng rào chắn hoặc biện pháp phù hợp khác để phân tách khu vực kiểm soát, giám sát;

b) Căn cứ để thiết lập khu vực kiểm soát, khu vực giám sát;

c) Việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hành chính tại khu vực kiểm soát, giám sát;

d) Việc áp dụng các biện pháp hạn chế người không có nhiệm vụ đi vào các khu vực kiểm soát, giám sát;

đ) Đo, đánh giá trực tiếp tình trạng bảo đảm an toàn bức xạ tại khu vực kiểm soát, giám sát và các khu vực có liên quan.

3. Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt, nhiễm bẩn phóng xạ không khí đối với tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ hở:

a) Việc trang bị, sử dụng và hiện trạng các hệ thống kín như tủ hút, tủ găng;

b) Việc sử dụng vật liệu dễ tẩy xạ cho tường, sàn nhà và các bề mặt dễ nhiễm bẩn phóng xạ và hiện trạng;

c) Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn sự lan rộng nhiễm bẩn phóng xạ;

d) Việc trang bị, sử dụng và hiện trạng hệ thống thông gió có phin lọc chất phóng xạ;

đ) Việc trang bị, sử dụng các thiết bị đo suất liều và thiết bị đo nhiễm bẩn phóng xạ phù hợp theo quy định;

e) Đo, đánh giá thực trạng mức nhiễm bẩn phóng xạ tại cơ sở.

Điều 10. Nội dung thanh tra, kiểm tra về ban hành và tổ chức thực hiện chương trình bảo đảm chất lượng, nội quy, quy trình, hướng dẫn làm việc, chỉ dẫn an toàn liên quan đến công việc bức xạ

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình, hướng dẫn làm việc, chỉ dẫn an toàn liên quan đến công việc bức xạ:

a) Nội quy an toàn bức xạ;

b) Quy trình tiến hành công việc bức xạ: quy trình làm việc với nguồn phóng xạ, thiết bị chiếu xạ, thiết bị bức xạ; quy trình vận chuyển nguồn phóng xạ; quy trình kiểm đếm; hướng dẫn vận hành thiết bị, chỉ dẫn an toàn trong tiến hành công việc bức xạ; quy trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị bức xạ; quy trình chiết tách thuốc phóng xạ;

c) Thẩm quyền ký, ban hành, nội dung, tính đầy đủ và phù hợp của nội quy an toàn bức xạ, quy trình tiến hành công việc bức xạ quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

d) Việc chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung quy định mới, thực trạng thiết bị, nguồn phóng xạ và nhân sự của cơ sở;

đ) Việc chấp hành nội quy an toàn bức xạ, quy trình tiến hành công việc bức xạ quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

e) Việc ban hành mức liều tham chiếu đối với người bệnh trong chẩn đoán y tế.

2. Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình bảo đảm chất lượng:

a) Thẩm quyền ký, ban hành chương trình bảo đảm chất lượng;

b) Nội dung của chương trình gồm: bảo đảm chất lượng; bảo trì, hiệu chuẩn, kiểm định định kỳ đối với thiết bị bức xạ và thiết bị ghi đo bức xạ; thiết lập và duy trì việc kiểm soát chất lượng; tổ chức đào tạo, đánh giá năng lực nhân viên; quản lý hồ sơ và thực hiện cải tiến quy trình (nếu có) trên cơ sở kết quả đánh giá nội bộ và bên ngoài;

c) Người thực hiện, tần suất và kết quả thực hiện nội dung của chương trình bảo đảm chất lượng;

d) Năng lực của cơ sở trong việc thực hiện kiểm tra chất lượng thiết bị bức xạ theo nội dung của chương trình bảo đảm chất lượng.

Điều 11. Nội dung thanh tra, kiểm tra về quản lý chất thải phóng xạ

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc xây dựng, thực hiện nội quy, quy trình trong quản lý chất thải phóng xạ.

2. Việc kiểm soát việc phát sinh và thải chất thải phóng xạ.

3. Việc xử lý ban đầu đối với chất thải phóng xạ, gồm: thu gom, phân tách chất thải phóng xạ và tẩy xạ.

4. Việc xử lý, điều kiện hóa chất thải phóng xạ, lưu giữ chất thải phóng xạ.

5. Khu vực quản lý, lưu giữ chất thải phóng xạ dạng rắn, dạng lỏng; hệ thống xử lý chất thải phóng xạ dạng lỏng, dạng khí.

6. Việc thực hiện quy định về thanh lý chất thải phóng xạ.

Điều 12. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc chấp hành quy định của pháp luật và điều ước quốc tế về thanh sát hạt nhân

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc thực hiện kế toán hạt nhân, báo cáo kết quả kế toán hạt nhân theo quy định và khi có yêu cầu của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia.

2. Việc thực hiện các biện pháp giám sát đối với vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn.

3. Việc thiết lập và nộp hồ sơ thông tin thiết kế cơ sở chịu thanh sát hạt nhân tới cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia theo quy định.

4. Việc phân công nhân sự thực hiện các nội dung nêu tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Việc thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia, Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế liên quan đến việc chấp hành quy định về thanh sát hạt nhân.

Điều 13. Nội dung thanh tra, kiểm tra về chuẩn bị, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân

Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Việc xây dựng, phê duyệt hoặc đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

2. Kịch bản sự cố và thực trạng hoạt động của cơ sở.

3. Việc cập nhật, diễn tập kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

4. Trang thiết bị ứng phó, nhân lực được phân công tham gia ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

5. Việc xác định, phân loại sự cố và thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trên phương tiện thông tin đại chúng.

6. Việc triển khai ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp cơ sở; việc phối hợp với các lực lượng ứng phó bên ngoài.

7. Việc điều tra nguyên nhân sự cố, cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong điều tra, đánh giá sự cố; việc triển khai các nội dung theo quy định trong trường hợp xảy ra sự cố y khoa liên quan đến bức xạ.

8. Việc lập và gửi báo cáo sự cố đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

9. Việc khắc phục hậu quả, tẩy xạ, thu gom, xử lý chất thải phóng xạ, vật thể nhiễm bẩn phóng xạ và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định.

Điều 14. Nội dung thanh tra, kiểm tra về lập, cập nhật và lưu giữ hồ sơ an toàn bức xạ, thanh sát hạt nhân, việc thực hiện nghĩa vụ cập nhật, cung cấp, chia sẻ, báo cáo và khai thác dữ liệu trên Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Tùy theo từng loại hình công việc bức xạ, việc lập, cập nhật và lưu giữ hồ sơ, bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

a) Hồ sơ về nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân;

b) Hồ sơ về sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân;

c) Hồ sơ về kiểm xạ khu vực tiến hành công việc bức xạ theo quy định gồm: kết quả kiểm xạ, kết quả hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ;

d) Hồ sơ về bảo dưỡng, kiểm định thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ;

đ) Nhật ký tiến hành công việc bức xạ và hồ sơ về sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trong quá trình tiến hành công việc bức xạ;

e) Hồ sơ về diễn tập và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân;

g) Hồ sơ về đào tạo của nhân viên bức xạ;

h) Hồ sơ về khám sức khỏe của nhân viên bức xạ;

i) Hồ sơ về liều bức xạ của nhân viên bức xạ;

k) Hồ sơ quản lý liều chiếu đối với người bệnh được chẩn đoán, can thiệp và điều trị bằng kỹ thuật sử dụng liều chiếu xạ cao;

l) Hồ sơ về kết luận thanh tra, kiểm tra và tài liệu về việc thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

m) Hồ sơ về thanh sát hạt nhân;

n) Hồ sơ về báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ;

o) Hồ sơ về kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ của cơ sở;

ô) Hồ sơ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời điểm, tần suất cập nhật hồ sơ; thời gian lưu giữ hồ sơ theo quy định.

3. Việc chuyển giao hồ sơ an toàn bức xạ, bao gồm xem xét, đánh giá các yếu tố sau đây:

a) Chuyển giao hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i, k và m khoản 1 Điều này tới cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương theo thẩm quyền cấp phép trong trường hợp tổ chức, cá nhân chấm dứt hoạt động tiến hành công việc bức xạ;

b) Chuyển giao hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận; đồng thời chuyển giao hồ sơ theo quy định tại các điểm đ và h khoản 1 Điều này cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia trong trường hợp chuyển giao nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân;

c) Chuyển giao hồ sơ về liều bức xạ của nhân viên bức xạ trong trường hợp nhân viên bức xạ chuyển sang làm việc cho tổ chức khác.

4. Việc thực hiện nghĩa vụ cập nhật, cung cấp, chia sẻ, báo cáo và khai thác dữ liệu trên Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử theo quy định, bao gồm việc xem xét các yếu tố sau đây:

a) Việc cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu bắt buộc;

b) Việc sử dụng, khai thác dữ liệu đúng mục đích, bảo đảm tính bảo mật và an toàn thông tin.

5. Việc lập, gửi Báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ, bao gồm việc xem xét, đánh giá các nội dung sau đây:

a) Thời điểm lập và gửi Báo cáo đến cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia, Sở Khoa học và Công nghệ địa phương;

b) Việc gửi Báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia, Sở Khoa học và Công nghệ địa phương;

c) Thông tin và nội dung của Báo cáo.

Mục 2
NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA ĐỐI VỚI NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Tiểu mục 1
Thanh tra, kiểm tra giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm nhà máy điện hạt nhân

Điều 15. Nội dung thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm của chủ đầu tư trong khảo sát, đánh giá chi tiết địa điểm; việc ban hành và tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong khảo sát, đánh giá địa điểm

1. Việc tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá địa điểm nhà máy điện hạt nhân theo các nội dung quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Thông tư này, quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử, pháp luật về môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc xây dựng và gửi đến cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia các tài liệu: mô tả hệ thống quản lý chất lượng; danh mục văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật nước ngoài được áp dụng.

3. Việc thông báo kế hoạch tiến hành hoạt động khảo sát, đánh giá địa điểm cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia theo quy định.

4. Việc tổ chức giám sát hoạt động của nhà thầu theo quy định.

5. Việc đáp ứng và duy trì các điều kiện về hạ tầng và năng lực chuyên môn của đơn vị thực hiện khảo sát theo quy định.

6. Việc thiết lập, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong khảo sát, đánh giá địa điểm phục vụ đánh giá an toàn địa điểm nhà máy điện hạt nhân:

a) Việc tuân thủ các yêu cầu chung và bảo đảm đầy đủ các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng theo quy định;

b) Việc tổ chức thu thập, phân tích, kiểm chứng và quản lý dữ liệu địa điểm phục vụ đánh giá an toàn địa điểm, tính khách quan, nhất quán, khả năng kiểm tra, tính đầy đủ và độ tin cậy của thông tin, dữ liệu sử dụng;

c) Việc áp dụng các yêu cầu, hướng dẫn về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân có liên quan đến khảo sát, đánh giá địa điểm.

7. Việc thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, kết luận, quyết định của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia.

Điều 16. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện khảo sát, thu thập số liệu tại thực địa, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kỹ thuật và xã hội, các khía cạnh an ninh và bảo vệ địa điểm

1. Việc thực hiện hoạt động khảo sát, thu thập số liệu tại thực địa:

a) Việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch khảo sát, thu thập số liệu tại thực địa;

b) Việc xây dựng và áp dụng quy trình, phương pháp khảo sát, thu thập số liệu tại thực địa;

c) Việc trang bị, sử dụng và hiện trạng trang thiết bị khảo sát, quan trắc, đo đạc; việc thực hiện kiểm soát và hiệu chuẩn các thiết bị sử dụng trong hoạt động khảo sát, đánh giá;

d) Số lượng và chất lượng của dữ liệu khảo sát, đánh giá địa điểm;

đ) Việc bố trí, sử dụng nhân lực thực hiện khảo sát, thu thập số liệu tại thực địa.

2. Việc đánh giá các điều kiện tự nhiên, kỹ thuật và xã hội liên quan đến địa điểm:

a) Xác định, đánh giá và quản lý các yếu tố loại trừ, yếu tố bất lợi của địa điểm, các nguy hại cụ thể của địa điểm và các nguy hại bên ngoài do tự nhiên và con người gây ra;

b) Việc xây dựng giải pháp kỹ thuật, biện pháp giảm thiểu và đánh giá tính khả thi của các giải pháp khắc phục các yếu tố bất lợi;

c) Việc xem xét tác động của biến đổi khí hậu và các xu hướng thay đổi của nguy hại bên ngoài trong suốt vòng đời nhà máy điện hạt nhân;

d) Việc xem xét các nguy hại bên ngoài do yếu tố tự nhiên và con người gây ra có khả năng ảnh hưởng đến tính khả thi và độ tin cậy của môi trường tản nhiệt cuối cùng.

3. Việc đánh giá khía cạnh an ninh và bảo vệ địa điểm, đánh giá tính khả thi của các biện pháp ứng phó khẩn cấp tại địa điểm và khu vực xung quanh theo quy định.

4. Xác minh sự phù hợp giữa các đặc trưng của địa điểm thực tế với sự mô tả trong hồ sơ đề nghị phê duyệt địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân và trong tài liệu kỹ thuật đã nộp cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

5. Việc bảo đảm phạm vi khảo sát, đánh giá địa điểm theo quy định; việc bảo đảm không làm thay đổi đặc tính địa điểm hoặc không làm mất khả năng kiểm chứng các bằng chứng địa chất, địa kỹ thuật, thủy văn, khí tượng và môi trường.

6. Việc thông báo cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia khi phát hiện điều kiện mới hoặc dữ liệu mới có thể ảnh hưởng đến kết quả đánh giá địa điểm, thiết kế cơ sở, báo cáo phân tích an toàn hoặc kế hoạch ứng phó sự cố.

7. Việc thực hiện khảo sát, đánh giá lại địa điểm trong trường hợp tăng quy mô công suất so với công suất đã được phê duyệt.

8. Các nội dung khác liên quan đến khảo sát và đánh giá địa điểm nhà máy điện hạt nhân theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 17. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc xây dựng và thực hiện báo cáo phân tích an toàn giai đoạn lựa chọn địa điểm; báo cáo tổng quan lựa chọn địa điểm

1. Việc xây dựng và thực hiện báo cáo phân tích an toàn giai đoạn lựa chọn địa điểm và báo cáo tổng quan lựa chọn địa điểm: nội dung, cấu trúc, phạm vi báo cáo theo quy định.

2. Tính nhất quán giữa báo cáo tổng quan lựa chọn địa điểm, báo cáo phân tích an toàn giai đoạn lựa chọn địa điểm, hồ sơ đề nghị phê duyệt địa điểm và kết quả khảo sát thực địa; việc phân tích, giải trình và cập nhật hồ sơ khi có sai khác hoặc dữ liệu mới.

Điều 18. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc quan trắc các yếu tố, đặc điểm của địa điểm, tham vấn cộng đồng, việc lập và quản lý hồ sơ khảo sát, đánh giá địa điểm

1. Việc quan trắc các yếu tố, đặc điểm của địa điểm:

a) Danh mục, phạm vi, thông số và vị trí quan trắc các yếu tố tự nhiên, kỹ thuật và xã hội có ảnh hưởng đến an toàn địa điểm;

b) Phương pháp, thiết bị, tần suất và thời gian thực hiện quan trắc;

c) Việc thu thập, xử lý và phân tích số liệu quan trắc.

2. Việc thực hiện tham vấn cộng đồng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Việc lập và quản lý hồ sơ khảo sát, đánh giá địa điểm:

a) Thông tin, hồ sơ, tài liệu quy định tại các Điều 15, 16 và 17 Thông tư này, khoản 1, khoản 2 Điều này và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong quá trình khảo sát, đánh giá địa điểm theo quy định;

b) Việc lập, cập nhật hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm a khoản này;

c) Việc lưu giữ hồ sơ, bao gồm: hồ sơ gốc, dữ liệu thô, kết quả đo, biên bản khảo sát, nhật ký hiện trường và hồ sơ xử lý các sai khác đã được phát hiện.

Tiểu mục 2
Thanh tra, kiểm tra giai đoạn xây dựng nhà máy điện hạt nhân

Điều 19. Nội dung thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu và các bên liên quan trong quá trình thi công xây dựng

1. Việc tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân theo các yêu cầu quy định tại các Điều 20, 21, 22 và 23 Thông tư này, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về năng lượng nguyên tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc thiết lập và duy trì hệ thống quản lý chất lượng và an toàn trong thi công; việc giám sát quá trình thi công theo quy định.

3. Việc thực hiện yêu cầu tạm dừng, tạm đình chỉ thi công xây dựng và lắp đặt hạng mục nhà máy điện hạt nhân (nếu có); việc lập báo cáo giải trình và đề ra các biện pháp bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân theo quy định.

4. Việc thiết lập, đánh giá các phương pháp, biện pháp thi công xây dựng, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm liên quan đến an toàn trước khi triển khai các hoạt động này.

5. Việc thực hiện trách nhiệm theo quy định trong trường hợp chưa được cấp giấy phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân mà chủ đầu tư có nhu cầu chế tạo trước các hạng mục có thời gian sản xuất dài.

6. Việc thiết lập, duy trì và thúc đẩy văn hóa an toàn theo quy định.

7. Việc thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về năng lượng nguyên tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Nội dung thanh tra, kiểm tra về thực hiện các điều kiện của giấy phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân và hệ thống quản lý chất lượng

1. Việc đề nghị cấp giấy phép; việc thi công xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân theo nội dung giấy phép đã được cấp; sự phù hợp với thiết kế được thẩm định và phê duyệt.

2. Việc thiết lập, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong thiết kế, xây dựng nhà máy điện hạt nhân:

a) Việc tuân thủ các yêu cầu chung và bảo đảm đầy đủ các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng theo quy định;

b) Việc xây dựng và thực hiện các yêu cầu quản lý chất lượng trong thiết kế nhà máy điện hạt nhân có liên quan đến việc bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân theo quy định:

Các biện pháp bảo đảm chất lượng thiết kế xây dựng của từng cấu trúc, hệ thống, bộ phận và của toàn bộ thiết kế nhà máy điện hạt nhân;

Các quá trình cần thiết cho việc lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng nhà máy điện hạt nhân trong phạm vi các nội dung có ảnh hưởng đến an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân; xác định và khắc phục các sai sót hoặc khiếm khuyết trong thiết kế, kiểm tra tính đầy đủ của thiết kế; kiểm soát việc điều chỉnh thiết kế và bảo đảm cấu hình thiết kế;

Việc áp dụng các yêu cầu, hướng dẫn về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân trong thiết kế nhà máy điện hạt nhân có liên quan;

Tính đầy đủ, nhất quán, khả năng kiểm chứng và truy xuất của toàn bộ tài liệu, dữ liệu và hồ sơ thiết kế xây dựng nhà máy điện hạt nhân;

Các yêu cầu trong giai đoạn thiết kế và chế tạo mô-đun đối với nhà máy điện hạt nhân sử dụng công nghệ lò phản ứng hạt nhân mô-đun nhỏ theo quy định, bao gồm: việc bảo đảm quản lý thống nhất cấu hình, kiểm soát thay đổi và sai khác giữa các mô-đun; quản lý chặt chẽ chuỗi cung ứng, chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc đối với các hạng mục quan trọng về an toàn; kiểm soát chất lượng, giám sát và thử nghiệm đối với các hạng mục lắp ráp ngoài địa điểm; đánh giá ảnh hưởng đến an toàn và bảo đảm tính nhất quán giữa các mô-đun đối với các thay đổi về thiết kế, chế tạo và nhà cung ứng.

c) Việc xây dựng và thực hiện các yêu cầu quản lý chất lượng trong xây dựng nhà máy điện hạt nhân có liên quan đến bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân theo quy định:

Các cơ chế và biện pháp tổ chức quản lý, thực hiện và đánh giá các hoạt động xây dựng có ảnh hưởng đến an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân;

Việc xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và cơ chế phối hợp của các tổ chức tham gia xây dựng, bao gồm nhà cung cấp, đơn vị xây dựng, nhà thầu, đơn vị thiết kế, tổ chức đánh giá địa điểm và các tổ chức liên quan khác;

Việc lập kế hoạch, bố trí nguồn lực, kiểm soát và giám sát nhà thầu; việc bàn giao, chuyển giao trách nhiệm, trao đổi thông tin trước khi triển khai công việc và kiểm soát thông tin thiết kế đối với các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng đối với an toàn;

Việc kiểm soát, đánh giá tác động và cập nhật vào hồ sơ thiết kế và hồ sơ xây dựng đối với các thay đổi có ảnh hưởng đến an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân phát sinh trong quá trình xây dựng;

Các yêu cầu đối với giai đoạn xây dựng, lắp đặt và tích hợp mô-đun đối với nhà máy điện hạt nhân sử dụng công nghệ lò phản ứng hạt nhân mô-đun nhỏ theo quy định, bao gồm: kiểm soát việc vận chuyển, lưu kho, bảo quản, lắp đặt và tích hợp các mô-đun tại địa điểm; thiết lập và duy trì quản lý cấu hình, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc của các hạng mục quan trọng về an toàn; thiết lập và thực hiện các biện pháp kiểm soát phù hợp để duy trì các đặc tính an toàn trong quá trình vận chuyển các hạng mục quan trọng về an toàn; kiểm soát tương tác an toàn giữa các mô-đun, các hệ thống dùng chung trong quá trình xây dựng, lắp đặt, vận hành thử, vận hành và bảo dưỡng được thực hiện đồng thời tại các mô-đun khác nhau.

3. Việc thực hiện các quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật nước ngoài được áp dụng đối với việc chế tạo, xây dựng, lắp đặt các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng về an toàn nhằm bảo đảm các yêu cầu về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân.

Điều 21. Nội dung thanh tra, kiểm tra về tổ chức thi công, lắp đặt các hạng mục liên quan tới an toàn theo thiết kế và quản lý thay đổi thiết kế xây dựng nhà máy điện hạt nhân

1. Việc tổ chức thi công, lắp đặt theo hồ sơ thiết kế xây dựng nhà máy điện hạt nhân đã được thẩm định và phê duyệt:

a) Việc lập kế hoạch, tiến độ và trình tự triển khai theo quy định;

b) Việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong mua sắm và tiếp nhận các hạng mục tại công trường theo quy định;

c) Việc thi công, lắp đặt các hệ thống, kết cấu, thiết bị quan trọng đối với an toàn:

Việc tuân thủ hồ sơ thiết kế, yêu cầu an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và điều kiện của giấy phép, đặc biệt là các hạng mục khó phát hiện hoặc khó khắc phục khi nhà máy đã bước vào vận hành thử có nhiên liệu, các khu vực, hệ thống, bộ phận sẽ không tiếp cận được sau khi hoàn thành xây dựng;

Việc bảo đảm hoạt động thi công, lắp đặt không gây ảnh hưởng đến các hạng mục quan trọng về an toàn tại khu vực lân cận.

d) Việc kiểm soát trình tự thi công, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng đối với an toàn theo thiết kế được phê duyệt;

đ) Việc đáp ứng các yêu cầu về an toàn liên quan đến nguồn điện ngoài nhà máy; việc phối hợp với đơn vị điều độ hệ thống điện và đơn vị quản lý vận hành lưới điện liên quan tới các yêu cầu bảo đảm an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ khi chuẩn bị đấu nối, thử nghiệm hòa lưới và đưa tổ máy vào vận hành;

e) Việc phát hiện, phân loại, xử lý và khắc phục các sai lệch kỹ thuật, sự không phù hợp phát sinh trong quá trình thi công, lắp đặt; việc báo cáo các phát hiện này;

g) Việc lập, cập nhật và lưu giữ hồ sơ về: thiết kế, quản lý thay đổi thiết kế; chất lượng của các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng đối với an toàn; truy xuất nguồn gốc, xử lý sai lệch và hồ sơ hoàn công các hạng mục có liên quan đến an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân.

2. Việc tổ chức thi công, lắp đặt đối với nhà máy điện hạt nhân sử dụng công nghệ lò phản ứng mô-đun nhỏ, ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, cần xem xét các nội dung sau:

a) Việc kiểm tra tình trạng vật lý, đối chiếu hồ sơ vận chuyển, đánh giá tính toàn vẹn của mô-đun khi tiếp nhận mô-đun tại địa điểm theo quy định;

b) Việc xác minh và xác thực để chứng minh giải pháp lắp đặt, tích hợp mô-đun đáp ứng yêu cầu về an toàn, độ tin cậy và khả năng thực hiện chức năng của các hạng mục có liên quan; không làm suy giảm mức độ an toàn đã được thiết lập trong cơ sở thiết kế;

c) Việc đánh giá tương tác an toàn giữa các mô-đun đang được xây dựng với các mô-đun đang vận hành thử hoặc đang vận hành; việc thiết lập các biện

pháp kiểm soát hoạt động đồng thời giữa xây dựng, lắp đặt, vận hành thử và vận hành nhằm bảo đảm không ảnh hưởng bất lợi đến an toàn của các mô-đun.

3. Việc quản lý thay đổi thiết kế:

a) Tính đầy đủ và nhất quán của tài liệu phục vụ thiết kế; tính nhất quán của thiết kế theo từng giai đoạn;

b) Việc phối hợp và kiểm soát trách nhiệm trong hoạt động thiết kế giữa chủ đầu tư, tổ chức thiết kế, nhà thầu và các bên liên quan;

c) Việc thiết lập và thực hiện quy trình quản lý thay đổi thiết kế: đánh giá tác động an toàn, phê duyệt thay đổi và cập nhật tài liệu liên quan; việc báo cáo các thay đổi thiết kế của các hạng mục quan trọng về an toàn theo quy định;

d) Việc thực hiện thủ tục điều chỉnh thiết kế đối với các trường hợp phải thực hiện thủ tục điều chỉnh thiết kế theo quy định; bổ sung hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt, hồ sơ thi công xây dựng, báo cáo phân tích an toàn và các tài liệu khác có liên quan theo quy định;

đ) Việc báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về nội dung điều chỉnh thiết kế theo quy định.

4. Việc thực hiện các yêu cầu về an ninh và bảo vệ thực thể đối với các hạng mục quan trọng về an toàn, vật liệu hạt nhân và thiết bị hạt nhân trong quá trình lưu giữ, vận chuyển theo quy định.

5. Việc đánh giá rủi ro để xác định ảnh hưởng của khu vực xây dựng đối với cơ sở hạt nhân đang vận hành và ngược lại theo quy định; việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa để quản lý các rủi ro liên quan đến hoạt động xây dựng, thiết lập các biện pháp ứng phó khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho nhân viên và công chúng trong trường hợp xảy ra sự cố.

Điều 22. Nội dung thanh tra, kiểm tra về nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ xuất xứ, chất lượng và việc tiếp nhận, bảo quản, sử dụng vật liệu, thiết bị thuộc hệ thống an toàn; việc thiết kế, chế tạo các cấu trúc, hệ thống và bộ phận liên quan đến an toàn của lò phản ứng

1. Hồ sơ, tài liệu về nguồn gốc, xuất xứ của vật liệu, thiết bị liên quan tới an toàn:

a) Thông tin nhà sản xuất, nhà cung cấp, nước sản xuất, xuất xứ; khả năng truy xuất nguồn gốc, xuất xứ;

b) Thông tin, đánh giá về sự phù hợp của vật liệu, thiết bị so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, hợp đồng;

c) Việc xử lý đối với vật liệu, thiết bị không phù hợp yêu cầu kỹ thuật.

2. Hồ sơ, tài liệu về xuất xứ, chất lượng của vật liệu, thiết bị liên quan tới an toàn:

a) Chứng chỉ, tài liệu chứng minh chất lượng, chứng nhận sự phù hợp theo quy định;

b) Kết quả thử nghiệm, kiểm tra chất lượng;

c) Hồ sơ chứng minh sự phù hợp của các vật liệu, thiết bị so với thiết kế, yêu cầu kỹ thuật được phê duyệt; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định kỹ thuật được áp dụng.

3. Việc tiếp nhận vật liệu, thiết bị thuộc hệ thống an toàn tại hiện trường:

a) Quy trình tiếp nhận;

b) Thông tin, tài liệu về danh mục, số lượng, chủng loại, mã hiệu, thông số kỹ thuật, tình trạng vật liệu, thiết bị khi tiếp nhận;

c) Việc kiểm tra, nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng đối với vật liệu, thiết bị.

4. Việc bảo quản vật liệu, thiết bị thuộc hệ thống an toàn:

a) Quy trình bảo quản, lưu giữ;

b) Thông tin, tài liệu về điều kiện kho bãi, môi trường bảo quản;

c) Biện pháp bảo vệ chống ăn mòn, nhiễm bẩn hoặc làm ảnh hưởng đến chất lượng của vật liệu, thiết bị;

d) Việc kiểm soát điều kiện bảo quản;

đ) Việc theo dõi, kiểm tra định kỳ tình trạng vật liệu, thiết bị trong thời gian lưu giữ, bảo quản.

5. Việc sử dụng vật liệu, thiết bị thuộc hệ thống an toàn:

a) Quy trình lắp đặt, sử dụng;

b) Thông tin, tài liệu về chủng loại, mã hiệu, mục đích và phạm vi thiết kế;

c) Yêu cầu kỹ thuật, hướng dẫn của nhà sản xuất, chế tạo và quy trình được phê duyệt;

d) Thông tin, tài liệu về việc thay thế, sửa đổi vật liệu, thiết bị;

đ) Kết quả kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu sau lắp đặt, trước khi đưa vào sử dụng.

6. Việc chế tạo các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng đối với an toàn của lò phản ứng:

a) Việc thiết lập và thực hiện các yêu cầu, quy trình để xác minh chất lượng chế tạo các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng về an toàn;

b) Việc chuyển tải các yêu cầu thiết kế, yêu cầu an toàn, thông số kỹ thuật và tiêu chí chấp nhận vào hồ sơ chế tạo, lắp đặt;

c) Việc kiểm soát chất lượng trong quá trình thiết kế, chế tạo, lắp đặt, bao gồm việc thực hiện các quy trình, kiểm tra, thử nghiệm và xác minh sự phù hợp với yêu cầu thiết kế;

d) Việc đánh giá năng lực của tổ chức thiết kế, nhà chế tạo, nhà thầu và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các công việc liên quan đến cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng đối với an toàn;

đ) Việc lập, quản lý, lưu giữ hồ sơ thiết kế, chế tạo, kiểm tra, thử nghiệm, xử lý sự không phù hợp và các tài liệu liên quan nhằm bảo đảm khả năng truy xuất và chứng minh sự phù hợp của các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng đối với an toàn.

7. Đối với nhà máy điện hạt nhân sử dụng công nghệ lò phản ứng hạt nhân mô-đun nhỏ, ngoài các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, cần xem xét việc vận chuyển, bảo quản, tiếp nhận và lắp đặt mô-đun theo quy định.

Điều 23. Nội dung thanh tra, kiểm tra về năng lực, việc đào tạo, tập huấn của các nhân sự làm việc liên quan đến an toàn hạt nhân; bảo đảm an toàn bức xạ và an toàn lao động liên quan đến an toàn bức xạ và hạt nhân

1. Việc đáp ứng các điều kiện về năng lực của chủ đầu tư, nhà thầu và các tổ chức, cá nhân tham gia thi công theo quy định của pháp luật và nội dung hợp đồng, đặc biệt là năng lực thực hiện các công việc có mức độ kỹ thuật phức tạp.

2. Việc duy trì các điều kiện về hạ tầng, kỹ thuật, năng lực chuyên môn, phân công trách nhiệm của nhân sự thực hiện các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu, giám sát nội bộ chất lượng và xử lý sự không phù hợp đối với các hạng mục quan trọng đối với an toàn; bảo đảm nhân sự được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên đề về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân và bảo vệ bức xạ, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí công việc được giao theo quy định.

3. Việc thực hiện quy định về an toàn bức xạ, văn hóa an toàn, văn hóa an ninh:

a) Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ đối với thiết bị đã tiếp xúc phóng xạ (nếu có);

b) Việc xây dựng, duy trì và thúc đẩy văn hóa an toàn.

Tiểu mục 3
Thanh tra, kiểm tra giai đoạn vận hành thử tổ máy điện hạt nhân, vận hành và chấm dứt hoạt động nhà máy điện hạt nhân

Điều 24. Nội dung thanh tra, kiểm tra giai đoạn vận hành thử tổ máy điện hạt nhân, vận hành nhà máy điện hạt nhân

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra giai đoạn vận hành thử, bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau:

a) Việc lập, đề nghị phê duyệt và triển khai chương trình vận hành thử: hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình vận hành thử; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép vận hành thử; việc thực hiện các điều kiện của giấy phép vận hành thử; tiến độ thực hiện từng bước vận hành thử so với chương trình đã được phê duyệt, giấy phép vận hành thử đã được cấp; thông tin về việc điều chỉnh chương trình vận hành thử và việc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Hệ thống quản lý an toàn và hệ thống quản lý chất lượng: hồ sơ, tài liệu, việc thiết lập, duy trì và thực hiện hệ thống quản lý an toàn và hệ thống quản lý chất lượng áp dụng trong giai đoạn vận hành thử; kết quả kiểm tra, đánh giá nội bộ và các biện pháp khắc phục sai lệch, không phù hợp được phát hiện; việc rà soát, cập nhật hệ thống quản lý chất lượng;

c) Năng lực của tổ chức vận hành thử của chủ đầu tư: hồ sơ đào tạo, huấn luyện về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân; chứng chỉ, năng lực chuyên môn, phân công trách nhiệm của đội ngũ thực hiện vận hành thử; việc tổ chức thực hiện từng bước vận hành thử;

d) Việc tuân thủ giới hạn và điều kiện vận hành: kết quả thử nghiệm các hệ thống, cấu trúc và bộ phận quan trọng về an toàn; hồ sơ quản lý các sai lệch so với điều kiện và giới hạn vận hành được phê duyệt, biện pháp khắc phục và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

đ) Báo cáo kết quả vận hành thử và việc thay đổi chỉ tiêu kỹ thuật, điều kiện và giới hạn vận hành so với thiết kế: hồ sơ, tài liệu về nội dung, thời điểm báo cáo kết quả vận hành thử theo quy định; hồ sơ đánh giá an toàn đối với các thay đổi; hồ sơ phê duyệt các thay đổi phát sinh trong quá trình vận hành thử;

e) Báo cáo sự kiện, sự cố xảy ra trong quá trình vận hành thử và biện pháp xử lý: hồ sơ các sự kiện và sự cố; việc thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; việc phân tích, xác định nguyên nhân và thực hiện biện pháp khắc phục, phòng ngừa tái diễn;

g) Trách nhiệm bảo đảm nguồn lực cho vận hành thử: hồ sơ bố trí và bảo đảm nguồn lực tài chính, nhân lực, vật tư kỹ thuật để triển khai đầy đủ chương trình vận hành thử;

h) Biện pháp bảo đảm tài chính và cập nhật kế hoạch chấm dứt hoạt động: hồ sơ bảo đảm tài chính cho trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân, tháo dỡ và chấm dứt hoạt động; việc duy trì và cập nhật kế hoạch chấm dứt hoạt động sơ bộ theo quy định;

i) Việc đánh giá an toàn định kỳ đối với các nguy hại do yếu tố tự nhiên và con người gây ra có khả năng tác động tới an toàn của nhà máy điện hạt nhân; các đặc điểm của địa điểm trong suốt thời gian hoạt động của nhà máy và đánh giá an toàn trong các trường hợp khác theo quy định;

k) Việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn bức xạ được áp dụng theo quy định tại các điểm a, b, đ và e khoản 3, các khoản 4, 5 và 6 Điều 7, khoản 4 Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Thông tư này; việc thực hiện các quy định về quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư này;

l) Việc thực hiện các quy định về nâng cấp, cải tạo: việc thiết lập, duy trì và thực hiện chương trình quản lý nâng cấp, cải tạo; việc phân loại nâng cấp, cải tạo theo mức độ quan trọng về an toàn và việc lập hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với các nâng cấp, cải tạo quan trọng về an toàn và các thay đổi về điều kiện và giới hạn vận hành; việc thực hiện nâng cấp, cải tạo; việc quản lý, giám sát nhà thầu tham gia nâng cấp, cải tạo theo quy định;

m) Việc phối hợp với đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và đơn vị quản lý vận hành lưới điện trong chuẩn bị, thử nghiệm đấu nối, việc bảo đảm tính sẵn sàng của nguồn điện lưới ngoài và nguồn điện dự phòng phục vụ an toàn nhà máy;

n) Việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra giai đoạn vận hành bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau:

a) Thông tin về thời hạn, nội dung, điều kiện của giấy phép vận hành; việc tuân thủ các điều kiện của giấy phép;

b) Hệ thống quản lý an toàn và hệ thống quản lý chất lượng trong vận hành bao gồm xem xét, đánh giá các yếu tố quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, được áp dụng tương ứng trong giai đoạn vận hành;

c) Việc tuân thủ giới hạn và điều kiện vận hành được phê duyệt; việc ghi chép nhật ký vận hành, theo dõi thông số vận hành, xử lý và khắc phục sai lệch;

hồ sơ, kết quả kiểm tra, thử nghiệm định kỳ đối với cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng về an toàn;

d) Việc xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, quản lý lão hóa và quản lý tuổi thọ đối với boong-ke lò, cấu trúc, hệ thống, bộ phận liên quan đến an toàn và trang thiết bị bảo đảm vận hành an toàn lò phản ứng; hồ sơ, kết quả kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá tình trạng; việc phát hiện, đánh giá, khắc phục khiếm khuyết, suy giảm; tình trạng thực tế về tính nguyên vẹn, tính sẵn sàng và khả năng thực hiện chức năng an toàn;

đ) Việc phát hiện, phân loại, thông báo và báo cáo về sự kiện, sự cố; hồ sơ, tài liệu và kết quả điều tra, phân tích nguyên nhân; việc áp dụng bài học kinh nghiệm vận hành, thực hiện và đánh giá hiệu quả biện pháp khắc phục, phòng ngừa tái diễn;

e) Năng lực và việc đào tạo, huấn luyện đối với các nhân sự tham gia vận hành: hồ sơ chứng chỉ và phân công trách nhiệm của đội ngũ vận hành; hồ sơ đào tạo, huấn luyện và kiểm tra định kỳ năng lực nhân sự vận hành theo chương trình được phê duyệt;

g) Việc đánh giá an toàn định kỳ đối với các nguy hại tự nhiên và do con người gây ra có khả năng tác động từ bên ngoài tới an toàn của nhà máy điện hạt nhân; việc quan trắc, cập nhật các đặc điểm của địa điểm trong suốt thời gian hoạt động của nhà máy; việc đánh giá an toàn trong các trường hợp khác theo quy định;

h) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn bức xạ thực hiện theo quy định tại điểm a, b, đ và e khoản 3, các khoản 4, 5 và 6 Điều 7, khoản 4 Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

i) Nội dung thanh tra, kiểm tra về quản lý chất thải phóng xạ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

k) Nội dung thanh tra, kiểm tra về quan trắc phóng xạ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư này;

l) Việc bảo đảm an ninh hạt nhân: hồ sơ thực hiện kế hoạch bảo đảm an ninh, việc kiểm kê vật liệu hạt nhân định kỳ; hồ sơ diễn tập ứng phó sự cố an ninh theo quy định;

m) Nội dung thanh tra, kiểm tra về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

n) Biện pháp bảo đảm tài chính và cập nhật kế hoạch chấm dứt hoạt động: hồ sơ bảo đảm tài chính cho trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân và chấm dứt hoạt động; việc cập nhật kế hoạch chấm dứt hoạt động sơ bộ theo quy định;

o) Việc cập nhật báo cáo phân tích an toàn, báo cáo thực trạng an toàn hằng năm, báo cáo tổng thể 10 năm và các báo cáo khác theo quy định; tính đầy đủ,

chính xác, nhất quán của thông tin, số liệu trong báo cáo với hồ sơ và tình trạng thực tế; việc thực hiện các biện pháp cải tiến, khắc phục hoặc nâng cấp an toàn được xác định qua các báo cáo;

ô) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 25. Nội dung thanh tra, kiểm tra giai đoạn chấm dứt hoạt động

Nội dung thanh tra, kiểm tra giai đoạn chấm dứt hoạt động nhà máy điện hạt nhân bao gồm việc xem xét, đánh giá các yếu tố sau:

1. Việc lập và cập nhật kế hoạch chấm dứt hoạt động: lập, đề nghị phê duyệt kế hoạch chấm dứt hoạt động; việc điều chỉnh kế hoạch (nếu có) và việc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thực hiện.

2. Việc thực hiện kế hoạch chấm dứt hoạt động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: tiến độ thực hiện từng giai đoạn tháo dỡ; hồ sơ các hoạt động tháo dỡ đã hoàn thành; kết quả đánh giá ảnh hưởng về khía cạnh an toàn của từng hoạt động tháo dỡ trước khi thực hiện.

3. Việc duy trì an toàn trong quá trình tháo dỡ: tình trạng hoạt động của các hệ thống, cấu trúc và bộ phận quan trọng về an toàn; hồ sơ kết quả thử nghiệm, bảo dưỡng định kỳ; hồ sơ duy trì hệ thống quản lý an toàn và hệ thống quản lý chất lượng trong giai đoạn tháo dỡ.

4. Việc quản lý, phân loại, xử lý và lưu giữ chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình tháo dỡ theo Điều 11 Thông tư này, phương án xử lý và quản lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng tại cơ sở theo quy định.

5. Kết quả quan trắc phóng xạ môi trường trong quá trình tháo dỡ: báo cáo kết quả quan trắc phóng xạ môi trường định kỳ và kết quả đo đạc tại các khu vực tháo dỡ; việc thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện bất thường.

6. Kiểm tra việc bảo đảm an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ quy định tại điểm a, b, đ và e khoản 3, các khoản 4, 5 và 6 Điều 7, khoản 4 Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

7. Năng lực nhân sự trong giai đoạn tháo dỡ: hồ sơ đào tạo, chứng chỉ và phân công trách nhiệm của đội ngũ nhân sự tháo dỡ.

8. Việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hạt nhân phù hợp với từng giai đoạn tháo dỡ: hồ sơ thực hiện kế hoạch bảo đảm an ninh được điều chỉnh phù hợp với từng bước tháo dỡ; kết quả kiểm kê vật liệu hạt nhân tại cơ sở theo quy định.

9. Việc chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trong quá trình tháo dỡ quy định tại Điều 13 Thông tư này.

10. Việc bảo đảm tài chính cho toàn bộ quá trình chấm dứt hoạt động.

11. Việc thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mục 3
NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA ĐỐI VỚI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU

Tiểu mục 1
Thanh tra, kiểm tra trong giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm, xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu

Điều 26. Nội dung thanh tra, kiểm tra giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra trong giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 16, 17 và 18 Thông tư này trong phạm vi tương ứng với các quy định áp dụng cho lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu tại Điều 56 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

2. Việc kiểm tra, xác minh các nội dung này phải áp dụng phương pháp tiếp cận theo cấp độ.

Điều 27. Nội dung thanh tra, kiểm tra giai đoạn xây dựng

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra trong giai đoạn xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20, các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1, các khoản 3, 4 và 5 Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Thông tư này và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

2. Việc thanh tra, kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng và kiểm soát thi công xây dựng đối với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp tiếp cận theo cấp độ, phù hợp với phân loại mức độ an toàn của từng cấu trúc, hệ thống và bộ phận của lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

Tiểu mục 2
Thanh tra, kiểm tra giai đoạn vận hành thử lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu

Điều 28. Nội dung thanh tra, kiểm tra về phê duyệt chương trình vận hành thử, cấp giấy phép vận hành thử, thực hiện các điều kiện của giấy phép

Tùy theo giai đoạn thử nghiệm không có nhiên liệu hạt nhân, vận hành thử có nhiên liệu hạt nhân, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm xem xét, đánh giá các yếu tố sau:

1. Việc đề nghị phê duyệt chương trình vận hành thử giai đoạn thử nghiệm không có nhiên liệu hạt nhân; việc đề nghị, cấp giấy phép vận hành thử lò phản

ứng hạt nhân nghiên cứu giai đoạn vận hành thử có nhiên liệu hạt nhân và thực hiện các điều kiện của giấy phép vận hành thử.

2. Việc tuân thủ nội dung của chương trình vận hành thử đã được phê duyệt:

a) Việc thực hiện chương trình và kết quả vận hành thử không có nhiên liệu hạt nhân và vận hành thử có nhiên liệu hạt nhân;

b) Việc thực hiện và kết quả kiểm tra khả năng vận hành, sự phù hợp với thiết kế của từng hệ thống và tổng thể các hệ thống khi có tác động qua lại;

c) Việc xây dựng, thực hiện và cập nhật các quy trình, báo cáo kết quả thử nghiệm;

d) Việc vận hành thử đối với các thiết bị thí nghiệm đặc biệt, thiết bị mới và các sửa đổi so với thiết kế ban đầu.

3. Việc thực hiện chương trình thử nghiệm tại từng mức công suất đã được phê duyệt.

4. Việc tuân thủ giới hạn và điều kiện vận hành trong suốt giai đoạn vận hành thử.

5. Việc ghi nhận, báo cáo về các sai lệch, sự kiện phát sinh trong vận hành thử theo quy định.

6. Kết quả vận hành thử có nhiên liệu và vận hành thử không có nhiên liệu; việc cập nhật, bổ sung thông tin điều chỉnh sau quá trình vận hành thử vào tài liệu thiết kế - kỹ thuật, báo cáo phân tích an toàn, tài liệu công nghệ và tài liệu vận hành lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

7. Việc thiết lập và chuyển giao hệ thống quản lý an toàn từ giai đoạn xây dựng sang vận hành.

8. Chương trình hành động khắc phục đối với các tồn tại phát sinh trong vận hành thử.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 29. Nội dung thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm của chủ đầu tư, tổ chức vận hành thử về hệ thống quản lý, tổ chức và nhân sự, văn hóa an toàn, văn hóa an ninh

Tùy theo giai đoạn thử nghiệm không có nhiên liệu hạt nhân, vận hành thử có nhiên liệu hạt nhân, nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm xem xét, đánh giá các yếu tố sau:

1. Việc thiết lập cơ cấu tổ chức vận hành theo thuyết minh tại báo cáo phân tích an toàn; việc phân công trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân trong quá trình vận hành thử.

2. Việc đào tạo, đề nghị cấp chứng chỉ cho nhân viên bức xạ, việc duy trì, bảo đảm các giấy chứng nhận, chứng chỉ phù hợp với công việc được giao và còn hiệu lực.

3. Việc thiết lập các yêu cầu về năng lực, triển khai đào tạo, bồi dưỡng phù hợp.

4. Việc xây dựng và triển khai hệ thống quản lý vận hành, các quy trình và hoạt động, bao gồm cả quy trình vận hành thông thường và các quy trình vận hành khẩn cấp, quy trình quản lý sự cố nghiêm trọng.

5. Việc áp dụng phương pháp tiếp cận theo cấp độ trong giai đoạn vận hành thử.

6. Việc xây dựng, duy trì và thúc đẩy văn hóa an toàn và văn hóa an ninh theo quy định.

7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 30. Nội dung thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân, quản lý chất thải phóng xạ trong giai đoạn vận hành thử có nhiên liệu hạt nhân

1. Việc đào tạo an toàn bức xạ, đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, kiểm soát liều chiếu xạ nghề nghiệp, khám sức khỏe và trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân được thực hiện theo khoản 1, các điểm a, b, c, d, đ, e, g và k khoản 2, các điểm a, b, đ, e và g khoản 3, khoản 4, các điểm a và e khoản 5 và khoản 6 Điều 7 Thông tư này.

2. Việc thực hiện các quy định về hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

3. Việc kiểm xạ khu vực làm việc; thiết lập khu vực kiểm soát, khu vực giám sát theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

4. Việc ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình, hướng dẫn làm việc, chỉ dẫn an toàn liên quan đến công việc bức xạ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

5. Việc thực hiện các quy định về an ninh hạt nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

6. Việc quản lý chất thải phóng xạ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 31. Nội dung thanh tra, kiểm tra về chuẩn bị ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân, việc quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường trong giai đoạn vận hành thử có nhiên liệu hạt nhân

1. Việc thực hiện các quy định về chuẩn bị ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân được kiểm tra, xác minh theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường:

a) Việc xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc phóng xạ môi trường: đối tượng và tần suất quan trắc phóng xạ môi trường định kỳ theo quy định; kết quả quan trắc trực tiếp, việc lấy mẫu môi trường, kết quả phân tích mẫu môi trường;

b) Việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc phóng xạ môi trường, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo theo quy định;

c) Việc bảo đảm cơ sở vật chất và nguồn nhân lực cho hoạt động quan trắc phóng xạ môi trường;

d) Việc quản lý và chia sẻ dữ liệu quan trắc phóng xạ trên Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; việc phát hiện và xử lý thông tin khi giá trị quan trắc có dấu hiệu vượt ngưỡng cảnh báo phóng xạ môi trường;

đ) Việc báo cáo, cung cấp dữ liệu quan trắc môi trường cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia theo quy định;

e) Việc đánh giá tác động phóng xạ đến sinh vật, trầm tích, nước ngầm và sản phẩm nông nghiệp;

g) Việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về quan trắc, cảnh báo phóng xạ môi trường.

3. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 32. Nội dung thanh tra, kiểm tra về lập, cập nhật hồ sơ và tài liệu liên quan đến vận hành thử lò phản ứng

Việc lập, cập nhật và lưu giữ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này và các hồ sơ khác liên quan đến vận hành thử lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu theo quy định.

Tiểu mục 3
Thanh tra, kiểm tra giai đoạn vận hành lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu

Điều 33. Nội dung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đề nghị cấp giấy phép vận hành, thực hiện các điều kiện của giấy phép, hệ thống quản lý chất lượng, văn hóa an toàn, văn hóa an ninh

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về đề nghị cấp giấy phép vận hành lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và tuân thủ các điều kiện của giấy phép theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư này và khoản 2 Điều 60 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP.

2. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo quy định, trong đó, phải đánh giá các yếu tố sau đây:

a) Nội dung của chương trình bảo đảm chất lượng;

b) Việc giám sát việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng của các tổ chức thực hiện công việc, cung cấp dịch vụ và nhà thầu có liên quan;

c) Việc duy trì, cập nhật, cải tiến và tính hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng.

3. Việc xây dựng, duy trì và thúc đẩy văn hóa an toàn và văn hóa an ninh theo quy định.

4. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 34. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện các yêu cầu an toàn đối với vận hành an toàn lò phản ứng

Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện các yêu cầu an toàn đối với vận hành bao gồm xem xét, đánh giá các yếu tố sau:

1. Việc xây dựng và duy trì cơ cấu tổ chức vận hành, cơ chế quản lý nội bộ, cơ chế giám sát độc lập nội bộ; phân công trách nhiệm, quyền hạn đối với lãnh đạo, vị trí việc làm và yêu cầu chuyên môn đối với nhân viên.

2. Việc bảo đảm trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Việc đào tạo nhân viên vận hành: chương trình đào tạo, thực tập, kiểm tra định kỳ, rèn luyện kỹ năng thực hành điều khiển lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và vận hành thiết bị thí nghiệm, tập huấn thao tác trong trường hợp xảy ra tình huống vận hành dự kiến, tình huống sự cố; đào tạo về văn hóa an toàn.

4. Việc xác định giới hạn thiết kế và điều kiện vận hành an toàn trong báo cáo phân tích an toàn, hướng dẫn vận hành và tài liệu công nghệ.

5. Việc xây dựng và thực hiện các quy trình:

a) Nạp nhiên liệu và đưa lò phản ứng đến trạng thái tới hạn;

b) Thay đảo nhiên liệu;

c) Khởi động, thay đổi công suất và vận hành có công suất;

d) Hiệu chỉnh độ hiệu dụng của các thanh điều khiển;

đ) Đo và theo dõi mức dự trữ độ phản ứng;

e) Hiệu chỉnh các kênh kiểm soát phân bố thông lượng nơtron;

g) Xác định công suất cơ sở lò phản ứng và hiệu chỉnh các kênh đo của hệ thống điều khiển;

h) Hành động của nhân viên trong trường hợp có tín hiệu cảnh báo;

i) Hành động của nhân viên trong trường hợp có kích hoạt hệ thống bảo vệ;

k) Dừng lò theo kế hoạch và tắt các thiết bị;

l) Quản lý vật liệu hạt nhân;

m) Quản lý chất phóng xạ và chất thải phóng xạ;

n) Các quy trình khác trong trường hợp thực hiện công việc nguy hiểm liên quan đến bức xạ và hạt nhân.

6. Việc ban hành và tổ chức thực hiện hướng dẫn sử dụng các hệ thống, thiết bị công nghệ và thiết bị thí nghiệm, chỉ dẫn thao tác đối với vận hành bình thường, tình huống vận hành dự kiến và quy trình thao tác khi xảy ra các sự cố trong cơ sở thiết kế và điều kiện mở rộng thiết kế.

7. Việc xây dựng và thực hiện quy trình lưu trữ và bảo quản hồ sơ vận hành; lưu trữ tài liệu thiết kế, hồ sơ chế tạo thiết bị, biên bản và báo cáo thử nghiệm, hồ sơ bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa hệ thống an toàn và hệ thống quan trọng về an toàn theo quy định.

8. Việc điều tra, nghiên cứu các tình huống tiệm cận sự cố, sự cố đã từng xảy ra; xây dựng và thực hiện biện pháp ngăn ngừa lặp lại các tình huống tiệm cận sự cố, sự cố tương tự.

9. Việc xây dựng và thực hiện quy trình thu thập, xử lý, phân tích, hệ thống hóa và lưu trữ thông tin về những tình huống vận hành dự kiến của cơ sở lò phản ứng trong suốt quá trình vận hành và khi chuyển giao cơ sở lò phản ứng cho tổ chức khác.

10. Việc kiểm soát nội bộ việc bảo đảm an toàn.

11. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 35. Nội dung thanh tra, kiểm tra tính nguyên vẹn của nhà lò, các cấu trúc, hệ thống và bộ phận liên quan đến an toàn của lò phản ứng; tình trạng hoạt động của trang thiết bị bảo đảm vận hành an toàn lò phản ứng

1. Việc xây dựng, thực hiện và cập nhật hệ thống quy trình bảo trì và bảo dưỡng phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật nước ngoài được áp dụng và điều kiện cụ thể của lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng.

2. Việc xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng đối với an toàn, việc đánh giá tính toàn vẹn của nhà lò; kết quả kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa.

3. Việc thử nghiệm định kỳ các hệ thống an toàn theo kế hoạch và đánh giá độ bền vững của các tòa nhà và công trình theo quy định; ghi nhận và xử lý khi thử nghiệm thất bại.

4. Chương trình kiểm tra thiết bị, hệ thống khi đang vận hành.

5. Việc quản lý lão hóa:

a) Việc xây dựng chương trình quản lý lão hóa, các quy trình kiểm tra;

b) Kết quả thực hiện chương trình quản lý lão hóa;

c) Việc lập danh sách thiết bị được theo dõi về lão hóa, biện pháp giảm thiểu sự lão hóa;

d) Kế hoạch thay thế, sửa chữa đối với các thiết bị bị lão hóa.

6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 36. Nội dung thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân, quản lý chất thải phóng xạ trong giai đoạn vận hành

Nội dung thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân, quản lý chất thải phóng xạ trong giai đoạn vận hành lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Thông tư này.

Điều 37. Nội dung thanh tra, kiểm tra về chuẩn bị ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân, quan trắc, cảnh báo phóng xạ môi trường

Nội dung thanh tra, kiểm tra về chuẩn bị ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân, quan trắc, cảnh báo phóng xạ môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.

Điều 38. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc lập, gửi báo cáo thực trạng an toàn và báo cáo tổng thể 10 năm theo quy định

1. Việc gửi báo cáo thực trạng an toàn định kỳ hằng năm theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư này và báo cáo khi có hiện tượng bất thường trong vận hành lò phản ứng hoặc có yêu cầu của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia.

2. Việc lập và gửi báo cáo tổng thể 10 năm:

a) Việc chấp hành quy định về thời hạn gửi báo cáo;

b) Tính đầy đủ của các nội dung trong báo cáo;

c) Tính chính xác của các nội dung trong báo cáo.

Điều 39. Nội dung thanh tra, kiểm tra về nâng cấp, cải tạo

1. Việc thiết lập và thực hiện chương trình quản lý nâng cấp, cải tạo của tổ chức vận hành.

2. Việc nâng cấp, cải tạo lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu:

a) Việc đề nghị phê duyệt nâng cấp, cải tạo;

b) Việc đánh giá an toàn khi thực hiện nâng cấp, cải tạo.

3. Kết quả thử nghiệm sau nâng cấp, cải tạo.

4. Việc báo cáo kết quả, việc đề nghị phê duyệt trước khi vận hành lại:

a) Việc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho phép vận hành trở lại sau nâng cấp, cải tạo theo quy định;

b) Nội dung đề nghị cho phép vận hành lại sau nâng cấp, cải tạo: việc đánh giá, phân tích an toàn sau khi nâng cấp, cải tạo;

c) Việc thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi vận hành lại;

d) Kết quả thực hiện nâng cấp trong báo cáo so với thực tế;

đ) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 40. Nội dung thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện quy định trong trường hợp dừng hoạt động dài hạn

1. Việc phê duyệt và triển khai kế hoạch dừng hoạt động dài hạn lò phản ứng:

a) Việc lập và đề nghị phê duyệt kế hoạch dừng hoạt động dài hạn;

b) Việc triển khai, thực hiện kế hoạch dừng hoạt động dài hạn đã được phê duyệt.

2. Việc bảo dưỡng trong trường hợp dừng hoạt động dài hạn:

a) Việc lập và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng: phạm vi công việc, đánh giá rủi ro, phân bổ nguồn lực;

b) Việc quản lý nhà thầu tham gia quá trình bảo dưỡng: năng lực, đào tạo an toàn bức xạ, giám sát thực hiện;

c) Việc kiểm soát và phê duyệt của tổ chức vận hành đối với các hạng mục công việc triển khai trong quá trình bảo dưỡng.

3. Công tác bảo đảm an toàn lò phản ứng trong trạng thái dừng hoạt động dài hạn:

a) Việc duy trì kiểm soát độ phản ứng dưới tới hạn và làm mát vùng hoạt lò phản ứng;

b) Việc quản lý và làm mát bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng.

4. Việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình bảo dưỡng lớn, dừng lò dài hạn.

5. Việc nghiệm thu và sẵn sàng khởi động lại:

a) Việc thực hiện thử nghiệm, nghiệm thu sau bảo dưỡng cho các hệ thống, thiết bị và bộ phận liên quan tới an toàn;

b) Việc giải quyết đầy đủ các tồn tại trước khi khởi động lại;

c) Việc thực hiện đánh giá tính sẵn sàng khởi động lại.

Điều 41. Nội dung thanh tra, kiểm tra về khai thác lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu

1. Việc kiểm soát, phê duyệt mọi thay đổi, lắp đặt, tháo dỡ hoặc thí nghiệm có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của lò phản ứng.

2. Việc đề nghị phê duyệt khi có các thay đổi, lắp đặt, tháo dỡ hoặc thí nghiệm có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn hạt nhân theo quy định.

3. Việc duy trì trạng thái an toàn của lò phản ứng, việc tuân thủ giới hạn và điều kiện vận hành đã được phê duyệt.

4. Việc đánh giá và phân loại theo mức độ ảnh hưởng đến an toàn đối với hoạt động khai thác, thí nghiệm, chiếu xạ, lắp đặt hoặc tháo dỡ thiết bị, mẫu thử trong hoặc lân cận vùng hoạt của lò phản ứng.

Tiểu mục 4
Thanh tra, kiểm tra giai đoạn chấm dứt hoạt động lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu

Điều 42. Nội dung thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm của tổ chức vận hành, hệ thống quản lý; việc chấp hành quy định về cấp giấy phép chấm dứt hoạt động

1. Việc thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi dừng hoạt động vĩnh viễn theo quy định.

2. Việc thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép chấm dứt hoạt động và việc thực hiện các điều kiện của giấy phép chấm dứt hoạt động theo quy định.

3. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng trong giai đoạn chấm dứt hoạt động:

a) Việc ban hành, duy trì và cập nhật tài liệu mô tả hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với thực trạng giai đoạn tháo dỡ; thẩm quyền ký ban hành, trình tự sửa đổi, bổ sung theo quy định;

b) Việc xây dựng và thực hiện chương trình bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng đối với các hoạt động quan trọng về an toàn trong quá trình tháo dỡ;

c) Việc thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ về hệ thống quản lý chất lượng; theo dõi tiến độ và hiệu quả thực hiện các khuyến nghị cải tiến từ đánh giá nội bộ và đánh giá độc lập bên ngoài;

d) Việc xây dựng và vận hành chương trình hành động khắc phục: việc điều tra nguyên nhân, tiến độ và hiệu quả khắc phục các tồn tại phát sinh trong quá trình tháo dỡ.

4. Việc vận hành hệ thống kiểm soát thay đổi kỹ thuật trong quá trình tháo dỡ:

a) Việc nhận diện, phân tích tác động an toàn và phê duyệt theo thẩm quyền đối với các thay đổi kỹ thuật có khả năng ảnh hưởng đến an toàn so với kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Việc cập nhật tài liệu kỹ thuật, báo cáo đánh giá an toàn và hồ sơ tháo dỡ tương ứng sau khi thực hiện thay đổi.

5. Việc duy trì cơ cấu tổ chức và năng lực nhân sự:

a) Việc duy trì cơ cấu tổ chức vận hành, phân công trách nhiệm an toàn, cơ chế giám sát độc lập nội bộ;

b) Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, duy trì và kiểm soát năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân sự thực hiện tháo dỡ: hồ sơ đào tạo, chứng chỉ chuyên môn và kế hoạch bảo đảm kế thừa chuyên môn đối với vị trí nhân sự chủ chốt;

c) Việc giám sát, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và năng lực của các tổ chức thầu phụ tham gia hoạt động tháo dỡ; việc báo cáo sự không phù hợp từ nhà thầu lên tổ chức vận hành theo quy định.

6. Việc ban hành và cập nhật các quy trình tháo dỡ, hướng dẫn an toàn phóng xạ, quy trình quản lý chất thải phóng xạ theo thực trạng từng giai đoạn tháo dỡ.

7. Việc thực hiện tự đánh giá định kỳ về an toàn và bài học kinh nghiệm trong tháo dỡ:

a) Việc thực hiện tự đánh giá định kỳ về an toàn trong quá trình tháo dỡ theo kế hoạch được phê duyệt; theo dõi tiến độ thực hiện các khuyến nghị cải tiến;

b) Việc thu thập, phân tích nguyên nhân, phổ biến bài học kinh nghiệm từ các sự cố, bất thường phát sinh trong quá trình tháo dỡ; việc áp dụng kinh nghiệm từ các cơ sở tương tự trong nước và quốc tế.

8. Trách nhiệm của tổ chức vận hành trong việc bảo đảm nguồn tài chính đầy đủ cho tất cả các giai đoạn của quá trình tháo dỡ.

9. Việc lập, lưu trữ và giao nộp hồ sơ theo quy định: lập và lưu trữ đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ kỹ thuật tháo dỡ, nhật ký và biên bản thực hiện các công việc quan trọng về an toàn trong quá trình tháo dỡ.

10. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 43. Nội dung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chấm dứt hoạt động, việc quản lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng

1. Việc thực hiện kế hoạch chấm dứt hoạt động được phê duyệt:

a) Việc báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện tháo dỡ theo phạm vi, phương pháp và tiến độ quy định;

b) Việc đánh giá tác động an toàn, phê duyệt và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với các thay đổi kỹ thuật có ảnh hưởng đến an toàn so với kế hoạch đã được duyệt;

c) Việc khắc phục các tồn tại phát sinh trong quá trình tháo dỡ.

2. Việc thực hiện quản lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng:

a) Việc duy trì dưới tới hạn và làm mát nhiên liệu; quan trắc phóng xạ và giám sát thông số an toàn bể chứa trong toàn bộ thời gian tháo dỡ;

b) Việc thực hiện kế hoạch chuyển nhiên liệu theo tiến độ được phê duyệt.

3. Việc thực hiện kế toán hạt nhân, kiểm kê vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn trong suốt quá trình tháo dỡ theo quy định.

4. Việc thực hiện tẩy xạ thiết bị, đường ống, cấu trúc và kết cấu:

a) Việc thực hiện tẩy xạ từng hạng mục theo phương pháp, quy trình và tiêu chí được phê duyệt;

b) Việc đo đạc, xác nhận mức độ nhiễm xạ đáp ứng tiêu chí trước khi tiến hành tháo dỡ từng hạng mục.

5. Việc thực hiện tháo dỡ và kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ trong quá trình tháo dỡ:

a) Việc thực hiện đánh giá an toàn cho từng bước tháo dỡ quan trọng theo điều kiện, trình tự được phê duyệt;

b) Việc thiết lập và duy trì vùng kiểm soát phóng xạ; kiểm soát nhiễm bẩn bề mặt và không khí trong khu vực tháo dỡ;

c) Việc kiểm soát ngăn ngừa phát tán chất phóng xạ sang khu vực không kiểm soát và ra môi trường trong quá trình tháo dỡ.

6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 44. Nội dung thanh tra, kiểm tra trong quá trình tháo dỡ

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra theo quy định tại khoản 1, các điểm a, d, đ khoản 2, các điểm a, b, đ, e và g khoản 3, khoản 4, các điểm a và e khoản 5 và khoản 6 Điều 7, khoản 4 Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Việc thực hiện quản lý chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình tháo dỡ:

a) Nội dung thanh tra, kiểm tra theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Việc lưu giữ tạm thời, vận chuyển đến cơ sở xử lý hoặc lưu giữ và bảo đảm truy xuất nguồn gốc đầy đủ trong toàn bộ quá trình quản lý chất thải phóng xạ;

c) Việc thực hiện biện pháp thu gom, xử lý nước thải tẩy xạ có độ phóng xạ cao phát sinh trong quá trình tháo dỡ; các biện pháp phòng ngừa rò rỉ, thẩm thấu xuống tầng chứa nước ngầm hoặc phát tán ra nguồn nước xung quanh.

3. Việc thực hiện chương trình quan trắc phóng xạ môi trường và giám sát xả thải trong suốt quá trình tháo dỡ:

a) Việc quan trắc phóng xạ môi trường theo tần suất và phương pháp quy định;

b) Việc giám sát và bảo đảm tuân thủ giới hạn xả thải phóng xạ ra môi trường theo quy định;

c) Việc báo cáo định kỳ kết quả quan trắc theo quy định.

4. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Điều 45. Nội dung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về chuẩn bị, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và an ninh hạt nhân

1. Việc thực hiện quy định về chuẩn bị, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trong quá trình tháo dỡ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Việc thực hiện kiểm soát an ninh hạt nhân, bảo vệ thực thể đối với nhiên liệu đã qua sử dụng và vật liệu hạt nhân trong suốt quá trình tháo dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

Chương III
GIÁM SÁT AN TOÀN NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN, LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU

Điều 46. Giám sát trong giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm

Việc giám sát trong giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP thông qua hoạt động sau:

1. Đánh giá việc triển khai hệ thống quản lý chất lượng trong quá trình khảo sát, đánh giá địa điểm theo tài liệu đã nộp cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia; ghi nhận thông tin về việc kiểm soát tài liệu, thiết bị đo, việc quản lý sai lệch và hành động khắc phục tại thực địa.

2. Quan sát và ghi nhận thông tin về hoạt động khảo sát và thử nghiệm tại hiện trường; chứng chỉ hiệu chuẩn của thiết bị, quy trình được phê duyệt, năng lực của các nhân sự tiến hành việc khảo sát, thử nghiệm và hồ sơ, tài liệu ghi chép, lưu giữ dữ liệu.

3. Quan sát, ghi nhận các điều kiện thực tế về địa hình, hiện trạng dân cư, cơ sở công nghiệp, mối nguy hiểm tiềm ẩn tại địa điểm và khu vực lân cận có thể ảnh hưởng đến an toàn nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

4. Theo dõi, quan sát và ghi nhận các thông tin vận hành, nhật ký vận hành của các trạm quan trắc địa chấn, khí tượng, thủy văn; vị trí đặt trạm và thông số thiết bị đo so với thiết kế được chấp thuận, việc hiệu chuẩn thiết bị đo; quy trình thu thập và lưu giữ số liệu quan trắc.

5. Thực hiện công việc khác theo quy định của chương trình giám sát tại Điều 51 Thông tư này.

Điều 47. Giám sát trong giai đoạn xây dựng

Việc giám sát trong giai đoạn xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP, Điều 107, Điều 108 Thông tư số 07/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về an toàn hạt nhân đối với địa điểm, thiết kế, xây dựng và phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân thông qua hoạt động sau:

1. Đánh giá việc triển khai thực tế hệ thống quản lý chất lượng tại công trường và tại cơ sở chế tạo thiết bị của nhà máy điện hạt nhân so với tài liệu đã nộp, kiểm tra hồ sơ chất lượng, kết quả thử nghiệm trong quá trình chế tạo và thi công, cụ thể:

a) Giám sát thực địa tại công trường và cơ sở chế tạo để quan sát trực tiếp việc áp dụng các thủ tục kiểm soát chất lượng, kiểm soát tài liệu, kiểm soát vật liệu và thiết bị đầu vào;

b) Xem xét hồ sơ chất lượng, biên bản nghiệm thu, kết quả thử nghiệm không phá hủy, chứng chỉ vật liệu và thiết bị; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật đã được phê duyệt, đề xuất lấy mẫu độc lập khi cần thiết;

c) Đánh giá việc ghi chép, lưu trữ và kiểm soát hồ sơ chất lượng theo đúng quy trình đã nộp; đánh giá tính hiệu quả của cơ chế phát hiện, phân loại và xử lý sự không phù hợp.

2. Thực hiện giám sát tại các điểm dừng kỹ thuật và điểm chứng kiến theo chương trình giám sát chi tiết được cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia ban hành.

3. Đánh giá tính đồng nhất giữa các cấu trúc, hệ thống, bộ phận lắp đặt thực tế với hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công và tài liệu xuất xưởng; ghi nhận và phân loại sai khác có khả năng ảnh hưởng đến an toàn, cụ thể:

a) Giám sát trực tiếp thực tế lắp đặt với bản vẽ thiết kế được phê duyệt; ưu tiên các hạng mục khó tiếp cận sau khi nhà máy đi vào vận hành;

b) Ghi nhận và phân loại các sai khác được phát hiện theo mức độ ảnh hưởng đến an toàn;

c) Đánh giá các sai khác đã được xử lý theo đúng thẩm quyền, cập nhật vào hồ sơ hoàn công trước khi tiến hành bước tiếp theo.

4. Theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện hành động khắc phục của chủ đầu tư.

5. Thực hiện công việc khác theo quy định của chương trình giám sát tại Điều 51 Thông tư này.

Điều 48. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử

Việc giám sát giai đoạn vận hành thử thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP thông qua hoạt động sau:

1. Đánh giá chương trình vận hành thử được thực hiện theo đúng trình tự và điều kiện kỹ thuật được phê duyệt, cụ thể:

a) Chứng kiến và quan sát trực tiếp từng bước thử nghiệm theo chương trình vận hành thử đã được phê duyệt; xác minh thứ tự thực hiện, điều kiện kỹ thuật đầu vào và tiêu chí chấp nhận được áp dụng đúng tại thực địa;

b) Xem xét nhật ký vận hành thử, kết quả thử nghiệm và biên bản ghi nhận sai lệch so với tiêu chí chấp nhận; xác minh các sai lệch đã được phân tích nguyên nhân, phê duyệt xử lý theo đúng thẩm quyền trước khi tiếp tục bước tiếp theo;

c) Đánh giá việc cập nhật quy trình vận hành, tài liệu kỹ thuật và báo cáo phân tích an toàn khi kết quả thử nghiệm thực tế có sai khác so với giả định thiết kế.

2. Thực hiện giám sát tại các điểm dừng kỹ thuật và điểm chứng kiến theo chương trình giám sát chi tiết đã được cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia ban hành.

3. Đánh giá độc lập mức phát thải phóng xạ và liều chiếu xạ nhân viên trong suốt quá trình vận hành thử; đề xuất lấy mẫu độc lập để đánh giá kết quả quan trắc của tổ chức vận hành trong trường hợp cần thiết.

4. Đánh giá việc triển khai thực tế hệ thống quản lý chất lượng trong giai đoạn vận hành thử, cụ thể:

a) Quan sát trực tiếp việc tổ chức, phân công trách nhiệm giữa các bộ phận vận hành, an toàn và kỹ thuật trong thực tế thực hiện chương trình vận hành thử; đối chiếu với cơ cấu tổ chức và phân công trách nhiệm đã nộp trong hồ sơ cấp phép;

b) Xem xét hồ sơ đào tạo, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên tham gia vận hành thử; phỏng vấn nhân viên để đánh giá mức độ nắm vững quy trình vận hành, quy trình khẩn cấp và văn hóa an toàn;

c) Đánh giá hiệu quả của cơ chế phát hiện và xử lý sự không phù hợp; xác minh việc báo cáo các sự kiện vận hành và bất thường phát sinh trong vận hành thử theo quy định.

5. Thực hiện các công việc khác theo quy định của chương trình giám sát tại Điều 51 Thông tư này.

Điều 49. Giám sát trong giai đoạn vận hành

Việc giám sát giai đoạn vận hành thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP thông qua hoạt động sau:

1. Đánh giá việc tuân thủ điều kiện và giới hạn vận hành:

a) Giám sát trực tiếp định kỳ, đột xuất tại phòng điều khiển và các khu vực vận hành; quan sát trực tiếp hành vi của nhân viên vận hành, việc tuân thủ quy trình và tình trạng thiết bị; ghi nhận các điều kiện bất thường;

b) Theo dõi dữ liệu vận hành; xem xét nhật ký ca vận hành, nhật ký theo dõi sự kiện bất thường để xác minh các thông số vận hành trong giới hạn và điều kiện vận hành được phê duyệt.

2. Đánh giá độc lập kết quả quan trắc phóng xạ môi trường và mức phát thải phóng xạ định kỳ so sánh với giá trị nền và giới hạn phát thải theo giấy phép. Thực hiện đo đạc bức xạ độc lập tại các vị trí lựa chọn trong và ngoài hàng rào nhà máy; đề xuất lấy mẫu độc lập khi cần đánh giá kết quả của tổ chức vận hành trong trường hợp cần thiết.

3. Giám sát tại các điểm chứng kiến về thử nghiệm định kỳ các hệ thống quan trọng về an toàn theo chương trình giám sát chi tiết được cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia ban hành.

4. Xem xét và đánh giá báo cáo sự kiện vận hành, kinh nghiệm vận hành và theo dõi việc tổ chức vận hành áp dụng bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế vào thực tiễn.

5. Theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện hành động khắc phục phát sinh từ kết quả giám sát và hành động khắc phục các phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra theo phân công (nếu có).

6. Đánh giá việc xây dựng, duy trì và thúc đẩy văn hóa an toàn và văn hóa an ninh, thông qua:

a) Quan sát thái độ và hành vi của nhân viên vận hành, lãnh đạo nhà máy trong thực tế công việc hằng ngày đối với công tác an toàn; đánh giá mức độ đặt câu hỏi về an toàn, sẵn sàng dừng công việc khi có nghi ngờ về an toàn và tinh thần tự nguyện báo cáo về sự kiện, sự cố bất thường;

b) Phỏng vấn nhân viên ở các cấp độ khác nhau khi cần thiết để đánh giá nhận thức về vai trò cá nhân trong bảo đảm an toàn, mức độ tin tưởng vào hệ thống báo cáo nội bộ và cam kết của lãnh đạo cấp cao đối với an toàn;

c) Theo dõi xu hướng của các chỉ số văn hóa an toàn theo quy định;

d) Đánh giá việc tổ chức vận hành duy trì và thúc đẩy văn hóa an ninh hạt nhân: kiểm soát tiếp cận, đánh giá độ tin cậy của nhân viên, việc tuân thủ quy định về bảo vệ thực thể trong thực tế vận hành hằng ngày.

7. Thực hiện các công việc khác của chương trình giám sát quy định tại Điều 51 Thông tư này.

Điều 50. Giám sát trong giai đoạn chấm dứt hoạt động

Việc giám sát giai đoạn chấm dứt hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP thông qua hoạt động sau:

1. Đánh giá việc tháo dỡ tuân thủ kế hoạch được phê duyệt; thực hiện giám sát tại các điểm chứng kiến theo chương trình giám sát chi tiết được cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia ban hành.

2. Chứng kiến việc tẩy xạ, xử lý và đóng gói chất thải phóng xạ phát sinh; đánh giá phân loại, dán nhãn và lưu giữ chất thải phóng xạ.

3. Đánh giá độc lập kết quả đo suất liều và mức nhiễm xạ tại địa điểm; đánh giá liều chiếu xạ nhân viên bức xạ.

4. Đánh giá việc thực hiện quy định về bảo đảm an ninh hạt nhân đối với nhiên liệu đã qua sử dụng và vật liệu hạt nhân trong suốt quá trình tháo dỡ.

5. Giám sát việc quan trắc phóng xạ môi trường trong và sau tháo dỡ, bao gồm lựa chọn vị trí, tần suất, thông số đo, phương pháp đo, phân tích mẫu và lập báo cáo quan trắc phóng xạ môi trường theo quy định.

6. Thực hiện các công việc khác theo quy định của chương trình giám sát tại Điều 51 Thông tư này.

Điều 51. Chương trình giám sát

1. Chương trình giám sát được xây dựng theo vòng đời nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và áp dụng phương pháp tiếp cận theo cấp độ: tần suất và phạm vi giám sát phải tương xứng với mức độ rủi ro, phức tạp về kỹ thuật.

2. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia xây dựng và ban hành chương trình giám sát tổng thể cho từng giai đoạn. Chương trình giám sát bao gồm các nội dung chính sau:

a) Mục tiêu, yêu cầu;

b) Phạm vi giám sát: các lĩnh vực kỹ thuật, hệ thống, hạng mục và hoạt động thuộc đối tượng giám sát trong giai đoạn tương ứng;

c) Phân loại và ưu tiên giám sát theo mức độ rủi ro, tầm quan trọng đối với chức năng an toàn, hậu quả tiềm tàng, độ phức tạp của công nghệ, khả năng phát hiện và khắc phục sai sót, lịch sử tuân thủ và năng lực quản lý của chủ đầu tư, tổ chức vận hành, nhà thầu;

d) Nguyên tắc xác định danh mục điểm dừng kỹ thuật và điểm chứng kiến, kèm theo thời hạn phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá đối với mỗi điểm dừng kỹ thuật, tính từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, kết quả thử nghiệm;

đ) Hình thức giám sát và tần suất giám sát;

e) Nguồn lực thực hiện: số lượng người thực hiện giám sát, yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật và phân công nhiệm vụ tương ứng với từng lĩnh vực;

g) Quy trình báo cáo, xử lý các phát hiện trong quá trình giám sát, tiêu chí đánh giá kết quả giám sát; việc theo dõi tiến độ thực hiện chương trình giám sát;

h) Việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Trên cơ sở chương trình giám sát tổng thể quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia xây dựng chương trình giám sát chi tiết theo chu kỳ phù hợp với từng giai đoạn, cụ thể:

a) Chương trình giám sát trong giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm được ban hành trước khi chủ đầu tư bắt đầu triển khai hoạt động khảo sát, đánh giá địa điểm trên cơ sở hồ sơ và thông báo kế hoạch khảo sát, đánh giá địa điểm của chủ đầu tư theo quy định;

b) Chương trình giám sát hằng quý trong giai đoạn xây dựng và vận hành thử, điều chỉnh theo tiến độ thi công hoặc kế hoạch thử nghiệm;

c) Chương trình giám sát hằng năm trong giai đoạn vận hành chính thức, chấm dứt hoạt động.

4. Chương trình giám sát cần được rà soát, điều chỉnh định kỳ trên cơ sở kết quả giám sát và điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở hạt nhân chuyển giai đoạn hoặc thay đổi trạng thái vận hành; có nâng cấp, cải tạo, thay đổi thiết kế, điều kiện và giới hạn vận hành quan trọng về an toàn; xảy ra sự kiện hoặc sự cố làm thay đổi mức độ rủi ro về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân;

b) Phát hiện tồn tại, thiếu sót có tính hệ thống trong quá trình giám sát;

c) Khuyến cáo của quốc tế;

d) Theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia, hoặc trong các trường hợp khác cần thiết để bảo đảm hiệu quả giám sát.

Điều 52. Giám sát trực tuyến

1. Thông số được giám sát trực tuyến bao gồm:

a) Thông số bắt buộc tối thiểu, bao gồm các thông số về: vật lý lò; hệ thống an toàn; bảo vệ bức xạ; khí tượng và môi trường; hiệu suất vận hành. Chi tiết quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Ngoài danh mục tại điểm a khoản này, cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia có thể yêu cầu tổ chức vận hành cung cấp thêm hoặc điều chỉnh

thông số giám sát trực tuyến phù hợp với đặc thù thiết kế của nhà máy điện hạt nhân, yêu cầu theo dõi tăng cường khi phát sinh vấn đề an toàn hoặc theo kinh nghiệm vận hành quốc tế.

2. Hệ thống giám sát trực tuyến phải bảo đảm khả năng thu thập và truyền dữ liệu về trạng thái vận hành, tình trạng các hệ thống quan trọng đối với an toàn, điều kiện bức xạ và điều kiện môi trường liên quan đến an toàn của nhà máy điện hạt nhân tới cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia theo thời gian gần với thời gian thực.

3. Dữ liệu giám sát trực tuyến phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, liên tục, khả năng truy xuất và tính toàn vẹn trong suốt thời gian vận hành cơ sở.

4. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia bảo đảm hạ tầng số để tích hợp với hệ thống giám sát trực tuyến; ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ xử lý, phân tích, đánh giá dữ liệu giám sát trực tuyến nhằm phát hiện sớm bất thường, cảnh báo kịp thời và nâng cao hiệu quả giám sát.

Điều 53. Giám sát trực tiếp tại địa điểm

1. Trong các giai đoạn xây dựng, vận hành thử, vận hành và chấm dứt hoạt động, việc giám sát trực tiếp tại địa điểm nhà máy điện hạt nhân được thực hiện thông qua văn phòng giám sát do cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia thiết lập. Văn phòng giám sát thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 316/2025/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của người phụ trách văn phòng giám sát:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của văn phòng giám sát; tổ chức triển khai chương trình giám sát đã được ban hành và báo cáo về cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia;

b) Phân công nhiệm vụ, điều phối hoạt động giám sát của văn phòng giám sát bảo đảm bao quát đầy đủ các lĩnh vực kỹ thuật an toàn chính;

c) Báo cáo kịp thời và đề xuất biện pháp xử lý tới cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia để áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu, căn cứ phương pháp tiếp cận theo cấp độ và phù hợp với mức độ rủi ro, quy mô, công suất, đặc điểm thiết kế, hoạt động khai thác của từng lò phản ứng, cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân

quốc gia quyết định thiết lập văn phòng giám sát tại địa điểm hoặc cử người thực hiện giám sát trực tiếp theo chương trình giám sát và khi cần thiết.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của người thực hiện giám sát:

a) Thực hiện giám sát theo phân công; lập nhật ký giám sát;

b) Đánh giá việc tuân thủ điều kiện giấy phép, điều kiện và giới hạn vận hành thông qua quan sát trực tiếp, xem xét hồ sơ và trao đổi kỹ thuật; không can thiệp vào quyết định vận hành, không tư vấn kỹ thuật cho tổ chức vận hành;

c) Nhận diện, ghi nhận và phân loại các vấn đề tiềm ẩn có thể ảnh hưởng tới an toàn, an ninh cơ sở hạt nhân;

d) Theo dõi và xác minh tiến độ, chất lượng thực hiện toàn bộ hành động khắc phục theo yêu cầu của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Lập biên bản làm việc ghi nhận kết quả giám sát, các phát hiện và vấn đề tồn tại;

e) Yêu cầu tổ chức vận hành, nhà thầu và người lao động tại địa điểm cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung giám sát trong phạm vi nhiệm vụ và chương trình giám sát được giao;

g) Trường hợp phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc điều kiện có khả năng gây mất an toàn, an ninh nghiêm trọng và cấp bách, có quyền báo cáo trực tiếp tới người đứng đầu cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia và kiến nghị áp dụng ngay các biện pháp ngăn chặn, tạm dừng hoạt động cần thiết để bảo đảm an toàn, an ninh trong thời gian chờ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 54. Báo cáo giám sát, công khai kết quả giám sát

1. Báo cáo giám sát định kỳ, bao gồm:

a) Báo cáo tuần, áp dụng trong giai đoạn xây dựng và vận hành thử; do văn phòng giám sát lập, gửi cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia, nội dung bao gồm các điểm a, b, c khoản 2 Điều này;

b) Báo cáo tháng do văn phòng giám sát lập, gửi cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia; nội dung bao gồm các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này;

c) Trong giai đoạn vận hành thử, cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia gửi báo cáo tháng theo quy định tại điểm b khoản này tới Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Báo cáo quý do cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tháng của văn phòng giám sát, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; nội dung bao gồm các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều này;

đ) Báo cáo năm do cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo quý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm; nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nội dung báo cáo giám sát định kỳ:

a) Hoạt động giám sát đã thực hiện: hình thức, phạm vi, lĩnh vực và số ngày giám sát trong kỳ báo cáo;

b) Nội dung đã yêu cầu tổ chức vận hành khắc phục, báo cáo và tiến độ thực hiện hành động khắc phục;

c) Đánh giá mức độ tuân thủ điều kiện giấy phép, điều kiện và giới hạn vận hành và quy định pháp luật về năng lượng nguyên tử trong kỳ báo cáo;

d) Đánh giá xu hướng an toàn trong kỳ báo cáo;

đ) Kiến nghị cải tiến cụ thể;

e) Đánh giá văn hóa an toàn của tổ chức vận hành;

g) Phân tích xu hướng an toàn qua các năm;

h) Đánh giá hiệu quả công tác giám sát và định hướng trọng tâm giám sát kỳ tiếp theo.

3. Báo cáo đột xuất do văn phòng giám sát hoặc người được cử giám sát lập, gửi cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự kiện bất thường hoặc vi phạm có ảnh hưởng đến an toàn, bao gồm:

a) Sự kiện vận hành quan trọng: khởi động, dừng lò không theo kế hoạch, kích hoạt hệ thống an toàn ngoài dự kiến, vận hành vượt điều kiện và giới hạn vận hành, mất điện bất thường, sự cố xảy ra với hạng mục quan trọng về an toàn;

b) Phát hiện vi phạm nghiêm trọng điều kiện giấy phép hoặc vi phạm quy trình có nguy cơ ảnh hưởng đến chức năng an toàn;

c) Sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân hoặc sự kiện có dấu hiệu phát tán phóng xạ ra ngoài phạm vi kiểm soát.

4. Nội dung báo cáo đột xuất quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:

a) Thời điểm phát sinh và thời điểm phát hiện sự kiện;

b) Mô tả diễn biến sự kiện theo trình tự thời gian;

c) Trạng thái vận hành của cơ sở tại thời điểm báo cáo: công suất, chế độ vận hành, trạng thái các hệ thống an toàn liên quan;

d) Đánh giá sơ bộ mức độ ảnh hưởng của sự kiện, sự cố đến an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ và phân loại sự cố (nếu có);

đ) Hoạt động ứng phó ban đầu và các biện pháp khắc phục của tổ chức vận hành;

e) Kiến nghị, đề xuất biện pháp xử lý.

5. Trường hợp không thành lập văn phòng giám sát theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Thông tư này, người thực hiện giám sát chịu trách nhiệm lập, gửi báo cáo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều này theo phân công tại quyết định cử người giám sát.

6. Công khai kết quả giám sát:

a) Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử các thông tin sau: kết quả giám sát hằng quý, hằng năm, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật công nghệ; kết quả quan trắc phóng xạ môi trường; kết quả đánh giá hiệu suất an toàn nhà máy điện hạt nhân và các phát hiện nghiêm trọng;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công khai kết quả giám sát hằng năm trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật công nghệ trên Cổng thông tin của Bộ.

Điều 55. Nhóm thông số được giám sát trực tuyến và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động giám sát

Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục II về nhóm thông số được giám sát trực tuyến và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động giám sát an toàn nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Điều khoản chuyển tiếp

Các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân có quyết định thanh tra, kiểm tra được ban hành trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm quyết định thanh tra, kiểm tra được ban hành.

Điều 57. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 16tháng 12năm 2026.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Công báo;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, ATBXHN (5b).

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

Phụ lục I

BIỂU MẪU TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

(Kèm theo Thông tư số .65./2026/TT-BKHCN ngày .31 tháng .10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số 01	Đề xuất Kế hoạch kiểm tra
Mẫu số 02	Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra
Mẫu số 03	Quyết định kiểm tra
Mẫu số 04	Kế hoạch tiến hành kiểm tra
Mẫu số 05	Biên bản kiểm tra
Mẫu số 06	Báo cáo kết quả kiểm tra
Mẫu số 07	Quyết định tạm dừng kiểm tra
Mẫu số 08	Quyết định đình chỉ cuộc kiểm tra
Mẫu số 09	Quyết định thay đổi Trưởng đoàn/ Phó trưởng đoàn kiểm tra
Mẫu số 10	Quyết định thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra

Mẫu số 01. Đề xuất Kế hoạch kiểm tra

……(1) ……..(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v đề xuất kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

Kính gửi: ……..(3)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao …….(2) đề xuất kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân như sau:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân được kiểm tra	MSDN/ HKD	Trụ sở chính của đơn vị	Nội dung kiểm tra	Thời gian kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra (4)	Cơ quan phối hợp

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, (5).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch kiểm tra.
(3) Tên cơ quan được giao tham mưu, tổng hợp Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân.
(4) Thời kỳ kiểm tra là khoảng thời gian thực hiện chính sách, pháp luật, quy định về an toàn bức xạ và hạt nhân của đối tượng kiểm tra được xem xét, đánh giá trong một cuộc kiểm tra.
(5) Tên viết tắt người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02. Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra

……(1) ……..(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-(3)	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân

……..(4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 năm 2025;

Căn cứ.... (5);

Căn cứ.... (6);

Theo đề nghị của ……..(7),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân của..... (2) (Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. .....(7) có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm tra này.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc....(2) và (8), cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - …….(9); - Lưu: VT, (11).	**……(4)** *(Chữ ký, dấu)*

……(1)
……..(2)

KẾ HOẠCH KIỂM TRA DO ……(8) CHỦ TRÌ

(Ban hành kèm theo Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành số ..../QĐ-(3) ..... ngày ..... của ...(2))

STT	Tên tổ chức/ cá nhân được kiểm tra	MSDN/HKD	Trụ sở chính của đơn vị	Nội dung kiểm tra	Thời gian kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra (10)	Cơ quan phối hợp

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành kế hoạch kiểm tra.

(3) Tên viết tắt của cơ quan ban hành kế hoạch kiểm tra.

(4) Chức danh của người ra quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra.

(5) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành Kế hoạch kiểm tra.

(6) Văn bản của cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch kiểm tra.

(7) Thủ trưởng đơn vị được giao tham mưu, tổng hợp kế hoạch kiểm tra.

(8) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch kiểm tra.

(9) Thanh tra Chính phủ (đối với Quyết định của Bộ) hoặc Thanh tra tỉnh (đối với Quyết định của UBND các cấp).

(10) Thời kỳ kiểm tra là khoảng thời gian thực hiện chính sách, pháp luật, quy định về an toàn bức xạ và hạt nhân của đối tượng kiểm tra được xem xét, đánh giá trong một cuộc kiểm tra.

(11) Tên viết tắt của đơn vị được giao tham mưu, tổng hợp kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân.

Mẫu số 03. Quyết định kiểm tra

……(1) ……..…….(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-(3)	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH

Kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân

……..(4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 năm 2025;

Căn cứ.... (5);

Căn cứ.... (6);

Căn cứ.... (7);

Theo đề nghị của ……..(8),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử đối với ……....(9).

Nội dung kiểm tra: ……....(10).

Thời kỳ kiểm tra:.....

Thời hạn kiểm tra là .... ngày, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà): ……, Trưởng đoàn;

2. Ông (bà): ……, Phó Trưởng đoàn (nếu có);

3. Ông (bà): ……., Thành viên;

….

Điều 3. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ cụ thể theo Điều 1 Quyết định này. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn và tổ chức, cá nhân được kiểm tra thực hiện theo quy định của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về kiểm tra chuyên ngành và các quy định khác có liên quan.

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 2, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và ... (9) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- …….(1);
- …….(9);
- …….(11);
- ……...(12);
- Lưu: VT, (13), …..

…….(4)
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(3) Tên viết tắt của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(4) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.

(5) Văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực kiểm tra.

(6) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(7) Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân.

(8) Thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm tra.

(9) Tên đầy đủ của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng kiểm tra.

(10) Nội dung kiểm tra được xác định tương ứng với loại hình công việc bức xạ theo quy định tại Thông tư này.

(11) Cơ quan, đơn vị được giao tham mưu, tổng hợp kế hoạch kiểm tra.

(12) Tên của đơn vị phối hợp (nếu có).

(13) Tên viết tắt đơn vị chủ trì kiểm tra.

Mẫu số 04. Kế hoạch tiến hành kiểm tra

……(1) **ĐOÀN KIỂM TRA** **THEO QĐ SỐ …**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../KH-…	*……, ngày … tháng … năm ……*

KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH KIỂM TRA

Thực hiện Quyết định kiểm tra số …… Trưởng đoàn kiểm tra lập kế hoạch tiến hành kiểm tra như sau:

1. Mục tiêu:

……

2. Yêu cầu:

……

3. Đối tượng, nội dung kiểm tra:

……

3.1. Đối tượng kiểm tra:

……

3.2. Nội dung kiểm tra:

……

3.3. Thời gian kiểm tra:

……

3.4. Địa điểm kiểm tra:

……

3.5. Phương thức kiểm tra:

……

4. Phân công nhiệm vụ:

……

5. Dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành:

……

6. Những vấn đề khác (nếu có):

……

Nơi nhận: - …….(2);	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

- Thành viên Đoàn kiểm tra;
- Lưu: Hồ sơ kiểm tra.

PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(2) Người ban hành quyết định kiểm tra.

Mẫu số 05. Biên bản kiểm tra

……(1) **ĐOÀN KIỂM TRA** **THEO QĐ SỐ ……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày ... tháng ... năm ……*

BIÊN BẢN

Kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân

Vào hồi .... giờ....ngày.....…, tại ……(2), Đoàn kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân tiến hành làm việc đối với ……..(3) về việc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật …….

1. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông (bà): …….. chức vụ ……..……;
- Ông (bà): …….. chức vụ ……..……..;
- …….

2. Đại diện đối tượng kiểm tra (3):

- Ông (bà): …….. chức vụ ……..…..…;
- Ông (bà): …….. chức vụ ……..……;
- ……..

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) (4):

- Ông (bà): …….. chức vụ ……..…;
- Ông (bà): …….. chức vụ ……..……;
- ……..

4. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về:

……
……
……..……
……..

5. Kết quả xác minh:

……
……
……..……
……..

6. Ý kiến của đối tượng kiểm tra:……..

7. Ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có): ……..

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ ….ngày ……

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, đơn vị được kiểm tra giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA (3)	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**	**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN (4)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(2) Địa điểm nơi lập Biên bản kiểm tra.

(3) Tên đầy đủ của đối tượng kiểm tra.

(4) Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân có liên quan *(như đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản).*

Mẫu số 06. Báo cáo kết quả kiểm tra

……(1) **ĐOÀN KIỂM TRA** **THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ** **……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày ... tháng ... năm ……*

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân

Thực hiện Quyết định số.... ngày ……..… của..... về …… từ ngày…… đến ngày ……..... Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại.....

Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã làm việc với …….. và tiến hành kiểm tra các nội dung theo kế hoạch tiến hành kiểm tra.

Sau đây là kết quả kiểm tra:

1. Khái quát chung về đối tượng kiểm tra;
2. Kết quả kiểm tra;
3. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có);
4. Kiến nghị của đối tượng kiểm tra (nếu có);
5. Kiến nghị của Đoàn kiểm tra (nếu có).

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra.

Nơi nhận: - ……(2); - Lưu: …. (Hồ sơ kiểm tra).	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(2) Thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

Mẫu số 07. Quyết định tạm dừng kiểm tra

……(1) ……..…… (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm dừng cuộc kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân

…….. (4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số …../2026/TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra và quy định chi tiết hoạt động giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân;

Căn cứ ….(5);
Căn cứ.... (6);
Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra theo ……..(6),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tạm dừng cuộc kiểm tra theo …….(6).

- Lý do tạm dừng: …….. (7)

- Thời gian tạm dừng: ……. ngày; tính từ ngày ……..... đến ngày …….. hoặc cho đến khi có văn bản tiếp tục cuộc kiểm tra.

Điều 2. Trưởng đoàn kiểm tra, ... (8) và ..... (9) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - ……(10); - Lưu: VT, (11).	**…….……(4)** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành Quyết định tạm dừng cuộc kiểm tra.

(3) Tên viết tắt cơ quan ban hành Quyết định tạm dừng cuộc kiểm tra.

(4) Chức danh người ban hành Quyết định tạm dừng cuộc kiểm tra.

(5) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(6) Quyết định kiểm tra.

(7) Mô tả trường hợp bất khả kháng, lý do không thể tiếp tục thực hiện kiểm tra.

(8) Tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.

(9) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(10) Cơ quan cấp trên để báo cáo.

(11) Viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu số 08. Quyết định đình chỉ cuộc kiểm tra

……(1) ……..…… (2) Số: /QĐ- ……(3)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ cuộc kiểm tra
.....……(4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số ..../2026/TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra và quy định chi tiết hoạt động giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân;

Căn cứ ……..(5);

Căn cứ ……..(6);

Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra theo ……..(6),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đình chỉ cuộc kiểm tra theo …….(6).

- Lý do: …….

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Trưởng đoàn kiểm tra, ...(7) và .....(8) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - ……(9); - Lưu: VT, (10).	**……(4)** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành Quyết định đình chỉ cuộc kiểm tra.

(3) Tên viết tắt của cơ quan ban hành Quyết định đình chỉ cuộc kiểm tra.

(4) Chức danh người ban hành Quyết định đình chỉ cuộc kiểm tra;

(5) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(6) Quyết định kiểm tra.

(7) Tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.

(8) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(9) Cơ quan cấp trên để báo cáo.

(10) Viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu số 09. Quyết định thay đổi Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra

……(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..…… (2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-……(3)	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra

……..(4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số ...../2026/TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra và quy định chi tiết hoạt động giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân;

Căn cứ.....(5);

Căn cứ .....(6);

Theo đề nghị của..... (7).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công ông (bà)...(8), chức vụ... làm Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra thay ông (bà)...(9), chức vụ.... kể từ ngày.....

Lý do: ……...……..

Điều 2. Ông (bà)...(9) có trách nhiệm bàn giao công việc và các tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra cho ông (bà)...(8) trước ngày.....

Điều 3. Các ông (bà) (8), (9), (10), (11) và (12) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	……(4)
- Như Điều 3;	*(Chữ ký, dấu)*
- ……;	
- Lưu: VT, (13), (14).	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ra quyết định thay đổi Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định thay đổi Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra.

(4) Chức danh của người ra quyết định thay đổi Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra.

(5) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(6) Quyết định kiểm tra.

(7) Cơ quan, đơn vị, cá nhân đề xuất thay đổi Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra.

(8) Họ tên của người được phân công làm Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra.

(9) Họ tên của người thôi làm Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra.

(10) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

(11) Đối tượng kiểm tra.

(12) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp Trưởng đoàn/Phó trưởng đoàn kiểm tra.

(13) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(14) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 10. Quyết định thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra

……(1) ……..…… (2) Số: /QĐ-……(3)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra

…….. (4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số ...../2026/TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra và quy định chi tiết hoạt động giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân;

Căn cứ ……(5);

Căn cứ ……(6);

Theo đề nghị của Trưởng đoàn Kiểm tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công (các) ông (bà)...(7), chức vụ... tham gia Đoàn kiểm tra theo...(6) kể từ ngày…….. thay (các) ông (bà)... (8).

Lý do:…….

Điều 2. Các ông (bà)...(8) có trách nhiệm bàn giao công việc và tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra cho Trưởng đoàn kiểm tra trước ngày……...

Điều 3. Trưởng đoàn kiểm tra...(6), các ông (bà) có tên tại Điều 1, (9), (10) và (11) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ……; - Lưu: VT, (12), (13).	……(4) *(Chữ ký, dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ra quyết định thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra.

(4) Chức danh của người ra quyết định thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra.

(5) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(6) Quyết định kiểm tra.

(7) Họ và tên của người được phân công làm thành viên Đoàn kiểm tra.

(8) Họ và tên của người thôi tham gia Đoàn kiểm tra.

(9) Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

(10) Đối tượng kiểm tra.

(11) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp (7) và (8).

(12) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(13) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục II

NHÓM THÔNG SỐ ĐƯỢC GIÁM SÁT TRỰC TUYẾN VÀ BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

(Kèm theo Thông tư số 65./2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10. năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Nhóm thông số được giám sát trực tuyến

Các thông số quy định tại Phụ lục này được áp dụng tương ứng với đặc điểm thiết kế của nhà máy điện hạt nhân. Đối với hệ thống, thiết bị không có trong thiết kế, sử dụng thông số tương đương cần thiết để xác định trạng thái và việc thực hiện chức năng an toàn tương ứng.

1. Nhóm thông số được giám sát trực tuyến đối với nhà máy điện hạt nhân làm mát bằng nước

1.1. Nhóm thông số vật lý lò phản ứng gồm: công suất lò phản ứng; thông lượng nơtron và các thông số cần thiết để xác định trạng thái phản ứng, trạng thái tới hạn hoặc dưới tới hạn; trạng thái hệ thống điều khiển và dừng lò, tín hiệu dừng lò; các thông số đo hoặc thông số dẫn xuất có ý nghĩa an toàn được xác định theo thiết kế và Báo cáo phân tích an toàn.

1.2. Nhóm thông số hệ thống an toàn gồm: áp suất, nhiệt độ và lưu lượng vòng sơ cấp; mực nước bình điều áp, bình sinh hơi và các hệ thống quan trọng đối với an toàn; trạng thái và tính sẵn sàng của hệ thống làm mát khẩn cấp vùng hoạt, hệ thống điều khiển và bảo vệ lò phản ứng, nguồn điện khẩn cấp và hệ thống hỗ trợ an toàn quan trọng; áp suất, nhiệt độ và các thông số đặc trưng của boong-ke lò; trạng thái của hệ thống tải nhiệt dư và môi trường tản nhiệt cuối cùng.

1.3. Nhóm thông số bảo vệ bức xạ gồm: suất liều bức xạ; hoạt độ phóng xạ trong các hệ thống công nghệ quan trọng; thông số xả thải phóng xạ dạng khí và dạng lỏng; trạng thái hoạt động của hệ thống quan trắc bức xạ; các thông số phản ánh tình trạng toàn vẹn của nhiên liệu hạt nhân và hàng rào ngăn chặn phát tán chất phóng xạ.

1.4. Nhóm thông số môi trường và khí tượng gồm: tốc độ và hướng gió; nhiệt độ, độ ẩm và áp suất khí quyển; lượng mưa; hoạt độ phóng xạ môi trường; các thông số phục vụ đánh giá phát tán phóng xạ và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

1.5. Nhóm thông số về hiệu suất vận hành gồm: công suất phát điện; trạng thái vận hành của tuốc-bin, máy phát điện và trạng thái kết nối với lưới điện.

1.6. Trạng thái lưu giữ nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, bao gồm mức và nhiệt độ môi chất làm mát, trạng thái và khả năng duy trì chức năng làm mát hoặc các thông số tương đương theo thiết kế.

2. Nhóm thông số được giám sát trực tuyến đối với nhà máy điện hạt nhân không làm mát bằng nước

Căn cứ hồ sơ thiết kế, báo cáo phân tích an toàn và các tài liệu khác trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân, cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia xác định danh mục thông số chi tiết đối với từng nhóm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 bảo đảm phù hợp với đặc thù thiết kế và công nghệ của từng nhà máy điện hạt nhân.

Danh mục thông số chi tiết được xác định ban đầu trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng và được rà soát, điều chỉnh trong quá trình thẩm định, cấp phép và giám sát các giai đoạn tiếp theo của vòng đời nhà máy khi có thay đổi thiết kế, điều kiện và giới hạn vận hành, vấn đề an toàn mới hoặc thông tin, kinh nghiệm vận hành có liên quan.

II. Các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động giám sát

Mẫu số 01	Thông báo hoạt động và mốc kiểm soát
Mẫu số 02	Công văn thông báo về việc giám sát
Mẫu số 03	Biên bản ghi nhận kết quả giám sát
Mẫu số 04	Thông báo kết quả giám sát và yêu cầu xử lý

Mẫu số 01. Thông báo hoạt động và mốc kiểm soát

.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-	*....., ngày .... tháng .... năm .....*

THÔNG BÁO

Hoạt động và mốc kiểm soát

Kính gửi:.....

Căn cứ .....(3);

.....(1) thông báo hoạt động và mốc kiểm soát để phục vụ hoạt động giám sát như sau:

1. Tên cơ sở; tổ máy/lò phản ứng; giai đoạn của cơ sở: .....(4)

2. Hoạt động, công việc hoặc thử nghiệm được thực hiện: .....(5)

3. Địa điểm; cấu trúc, hệ thống, bộ phận hoặc thiết bị có liên quan: .....(6)

4. Mốc kiểm soát: .....(7)

5. Nội dung cần kiểm soát hoặc chứng kiến: .....(8)

6. Thời gian dự kiến thực hiện: từ ... giờ ... ngày ..... đến ... giờ ... ngày ……...

7. Điều kiện tiên quyết, tiêu chí chấp nhận hoặc hoạt động tiếp theo có liên quan: .....(9)

8. Tài liệu gửi kèm: .....(10)

9. Yêu cầu về tiếp cận hiện trường, an toàn, an ninh và bảo mật thông tin, nếu có: ....(11)

10. Đầu mối phối hợp của .....(1): ông/bà ..., chức vụ ..., số điện thoại ..., thư điện tử .....

11. .....(1) cam kết những thông tin nêu trên là đúng và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của nội dung thông báo và thông báo kịp thời cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân khi có thay đổi.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: ...(13).	.....(12) *(Chữ ký, dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên chủ đầu tư hoặc tổ chức vận hành.

(2) Chữ viết tắt tên chủ đầu tư hoặc tổ chức vận hành.

(3) Giấy phép, chương trình giám sát, kế hoạch chất lượng, quy trình hoặc tài liệu xác định mốc kiểm soát; chỉ ghi căn cứ cần thiết, trực tiếp liên quan.

(4) Ghi rõ tên NMĐHN hoặc LPƯNC; số hiệu tổ máy hoặc lò phản ứng; giai đoạn khảo sát, đánh giá địa điểm, xây dựng, vận hành thử, vận hành hoặc chấm dứt hoạt động.

(5) Ghi tên và mã hiệu hoạt động, công việc hoặc thử nghiệm, nếu có.

(6) Ghi vị trí và đối tượng kỹ thuật đủ để nhận diện, truy xuất.

(7) Ghi "điểm dừng kỹ thuật", "điểm chứng kiến" hoặc mốc kiểm soát khác theo chương trình giám sát.

(8) Ghi ngắn gọn nội dung cần quan sát, kiểm tra, xác nhận hoặc chứng kiến.

(9) Ghi các điều kiện hoặc tiêu chí chính; trường hợp nội dung dài thì dẫn chiếu tài liệu gửi kèm.

(10) Ghi tên, số, ký hiệu, phiên bản và ngày ban hành tài liệu; trường hợp có nhiều tài liệu thì lập danh mục kèm theo.

(11) Ghi yêu cầu về kiểm soát ra vào, an toàn bức xạ, bảo hộ lao động, an ninh hạt nhân, an ninh mạng hoặc bảo vệ bí mật nhà nước; nếu không có thì ghi "Không".

(12) Chức vụ của người có thẩm quyền ký thông báo.

(13) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu, nếu cần.

Mẫu số 02. Công văn thông báo về việc giám sát

.....(11) .....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: .....(2)

Căn cứ .....(3);

Để phục vụ hoạt động giám sát đối với .....(4), Cục An toàn bức xạ và hạt nhân yêu cầu .....(2) cung cấp thông tin, tài liệu hoặc giải trình các nội dung sau đây:

1. .....(5)
2. .....
3. .....

Thông tin, tài liệu hoặc văn bản giải trình phải được ...(6)... và gửi về Cục An toàn bức xạ và hạt nhân trước ngày …….. theo địa chỉ/phương thức: .....(7)

Yêu cầu về định dạng, xác thực và bảo mật thông tin, nếu có: .....(8)

Đầu mối tiếp nhận: ông/bà ..., đơn vị ..., số điện thoại ..., thư điện tử ...

Trường hợp không thể cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn, ...(2) thông báo bằng văn bản cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, trong đó nêu rõ nội dung chưa cung cấp, lý do và thời gian dự kiến hoàn thành.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: ...(10).	.....(9) *(Chữ ký, dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan ban hành.

(2) Tên chủ đầu tư, tổ chức vận hành, nhà thầu hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu hoặc giải trình.

(3) Quy định pháp luật, giấy phép, chương trình giám sát hoặc văn bản giao nhiệm vụ làm căn cứ ban hành yêu cầu; chỉ ghi căn cứ trực tiếp liên quan.

(4) Tên cơ sở; tổ máy/lò phản ứng; hoạt động hoặc vấn đề đang được giám sát.

(5) Ghi riêng từng thông tin, tài liệu hoặc vấn đề cần giải trình; xác định thời kỳ, phạm vi, phiên bản, định dạng hoặc mức độ chi tiết khi cần thiết.

(6) Ghi yêu cầu về ký xác nhận, đóng dấu, chữ ký số, bản chính, bản sao, dữ liệu gốc hoặc hình thức xác thực khác phù hợp.

(7) Địa chỉ tiếp nhận bản giấy, hệ thống thông tin hoặc thư điện tử công vụ được phép tiếp nhận.

(8) Ghi phân loại bảo mật, phương thức mã hóa, truyền nhận, kiểm soát truy cập hoặc yêu cầu khác; nếu không có thì bỏ nội dung này.

(9) Chức vụ của người có thẩm quyền ký văn bản.

(10) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu, nếu cần.

(11) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

Mẫu số 03. Biên bản ghi nhận kết quả giám sát

……(1) ……(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BB-GS	

BIÊN BẢN
Ghi nhận kết quả giám sát về .....(3)

Căn cứ ...(4);

Vào ... giờ... ngày……..…, tại ...(10),

I. Thành phần

1. Đại diện ……(2)…

Ông (bà) ……. chức vụ/chức danh nghề nghiệp, đơn vị công tác:……..;

2. Đại diện ……(6);

Ông (bà) ……. chức vụ/chức danh nghề nghiệp, đơn vị công tác……;

3.....

II. Nội dung làm việc

1. Phạm vi, phương thức và nội dung giám sát: .....(9)

2. Dữ kiện ghi nhận và thông tin, tài liệu có liên quan: .....(5)

3. Ý kiến của đại diện: .....(6)

4. Nội dung cần cung cấp, bổ sung hoặc làm rõ; chủ thể thực hiện và thời hạn, nếu có: .....(7)

5. Hành động tức thời đã thực hiện hoặc nội dung khác có liên quan, nếu có: .....(8)

..... (7)

Buổi làm việc kết thúc vào... giờ... ngày..... Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành... bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ ... bản.

ĐẠI DIỆN ……(6) *(Chữ ký, dấu - nếu có)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Chữ ký)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan tiến hành giám sát.

(2) Tên đoàn giám sát/văn phòng giám sát (nếu có).

(3) Nội dung được giám sát, đánh giá.

(4) Quyết định tổ chức việc giám sát, chương trình giám sát.

(5) Nội dung, kết quả giám sát.

(6) Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu giám sát.

(7) Liệt kê các nội dung cần cung cấp, bổ sung hoặc làm rõ; chủ thể thực hiện và thời hạn.

(8) Liệt kê hành động đã thực hiện hoặc các nội dung có liên quan.

(9) Theo quyết định tổ chức việc giám sát, chương trình giám sát.

(10) Địa điểm giám sát.

Mẫu số 04. Thông báo kết quả giám sát và yêu cầu xử lý

……(1) ……(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

Kết quả giám sát và yêu cầu xử lý đối với .....(3)

Kính gửi: .....(4)

Căn cứ .....(5);

Trên cơ sở kết quả giám sát thực hiện từ ngày ..... đến ngày …….. bằng phương thức .....(6), ……(2) thông báo kết quả giám sát và yêu cầu xử lý như sau:

1. Kết quả giám sát

1.1. Phạm vi, nội dung giám sát: .....(7)

1.2. Dữ kiện và tài liệu làm căn cứ: .....(8)

1.3. Đánh giá kết quả thực hiện các yêu cầu về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân: .....(9)

2. Nội dung yêu cầu xử lý

2.1. Vấn đề cần xử lý và căn cứ của yêu cầu: .....(10)

2.2. Nội dung phải thực hiện: .....(11)

2.3. Kết quả, hồ sơ hoặc bằng chứng hoàn thành phải báo cáo: .....(12)

2.4. Thời hạn thực hiện và báo cáo: trước ngày ……..

3. Tổ chức thực hiện

.....(4) có trách nhiệm tổ chức thực hiện các yêu cầu nêu tại mục 2 và gửi kết quả về…(2)…theo địa chỉ/phương thức .....(13)

Trường hợp không thể hoàn thành đúng thời hạn, ...(4) phải báo cáo bằng văn bản trước khi hết thời hạn, trong đó nêu rõ lý do, tiến độ thực hiện, biện pháp kiểm soát tạm thời và thời hạn đề xuất hoàn thành.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: ...(14).	.....(2) (Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.

(2) Tên cơ quan tiến hành giám sát.

(3) Tên cơ sở; tổ máy/lò phản ứng; hoạt động hoặc vấn đề được giám sát.

(4) Tên chủ đầu tư, tổ chức vận hành hoặc tổ chức có trách nhiệm thực hiện yêu cầu.

(5) Quy định pháp luật, giấy phép, chương trình giám sát, biên bản giám sát hoặc tài liệu trực tiếp làm căn cứ ban hành thông báo.

(6) Ghi giám sát trực tiếp tại hiện trường, xem xét hồ sơ và tài liệu, giám sát trực tuyến hoặc kết hợp.

(7) Ghi phạm vi, thời gian, khu vực, hệ thống, hoạt động và nội dung đã giám sát.

(8) Ghi các dữ kiện chính và dẫn chiếu biên bản, tài liệu, dữ liệu hoặc bằng chứng có liên quan.

(9) Ghi rõ nội dung đáp ứng, chưa đáp ứng hoặc cần tiếp tục theo dõi; xác định yêu cầu hoặc tiêu chí áp dụng.

(10) Mỗi vấn đề phải gắn với dữ kiện và căn cứ pháp lý, điều kiện giấy phép, quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc tiêu chí đã được chấp thuận áp dụng.

(11) Ghi rõ hành động phải thực hiện; phân biệt yêu cầu bắt buộc với kiến nghị cải tiến. Kiến nghị, nếu có, được trình bày thành mục riêng.

(12) Ghi loại báo cáo, hồ sơ, kết quả thử nghiệm, ảnh, dữ liệu hoặc bằng chứng khác cần cung cấp để chứng minh hoàn thành.

(13) Ghi địa chỉ tiếp nhận bản giấy, hệ thống thông tin hoặc thư điện tử công vụ được phép tiếp nhận.

(14) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu, nếu cần.